BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

----------ଓ৩----------

NGUYỄN VĂN SÔ

LỊCH SỬ - VĂN HOÁ DÒNG HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN 2007

CHUYÊN NGÀNH: LỊCH SỬ VIỆT NAM

MÃ SỐ: 60.22.54

Người hướng dẫn khoa học:

TS. TRẦN VĂN THỨC

Vinh, 2008

MỤC LỤC

		Trang
MỞ ĐẦU		
1.	Lí do chọn đề tài	1
2.	Lịch sử vấn đề	3
3.	Phạm vi nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học của đề tài	4
4.	Nguồn tư liệu và Phương pháp nghiên cứu	5
5.	Đóng góp của đề tài	7
6.	Bố cục của khoá luận	7
NỘI DUNG		
CHƯƠNG 1:	**QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA DÒNG HỌ ĐINH NHO TRÊN ĐẤT HƯƠNG SƠN TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN 2007**	9
1.1.	Hương Sơn - Đất và Người	9
1.2.	Sự hình thành và phát triển của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn thế kỷ XVI đến năm 2007	21
CHƯƠNG 2:	**VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG CỦA DÒNG HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH**	39
2.1.	Gia phong của dòng họ Đinh Nho	39
2.2.	Truyền thống khoa bảng	46
2.3.	Nhà thờ, Lăng mộ, Đền thờ, Bia ký và Lễ hội truyền thống của dòng họ Đinh Nho	49
CHƯƠNG 3:	**NHỮNG NHÂN VẬT TIÊU BIỂU CỦA DÒNG HỌ ĐINH NHO (HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH)**	62
3.1.	Đinh Nho Công	62
3.2.	Đinh Nho Hoàn	63
3.3.	Đinh Nhật Thận	66
3.4.	Đinh Xuân Lâm	68
3.5.	Đinh Nho Liêm	71
KẾT LUẬN		73

TÀI LIỆU THAM KHẢO 77

PHỤ LỤC 80

.

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin trân trọng cảm ơn TS. Trần Văn Thức đã hướng dẫn tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Tôi xin trân trọng cảm ơn các cụ cao niên của dòng họ Đinh Nho, trân trọng cảm ơn bác Đinh Nho Quỳ - Đời thứ 18, Tộc trưởng dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn, người đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong quá trình thực hiện đề tài, cảm ơn các thầy cô giáo Khoa Sau Đại học, Khoa Lịch sử Trường Đại học Vinh và bạn bè đồng nghiệp đã giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp này.

Tác giả

Nguyễn Văn Sô

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài :

1.1. Văn hoá Việt Nam là thành qủa hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người Việt Nam. Nhờ đó nhân dân ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách để tồn tại và phát triển. Truyền thống dòng họ bồi đắp nên truyền thống vẻ vang của dân tộc. Trong lịch sử, một cách tự nhiên, các dòng họ đã có những đóng góp ở những mức độ khác nhau đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc, đã sáng tạo nên những di sản văn hoá vô giá, là chiếc nôi sinh ra những nhân tài cho đất nước. Vì vậy, việc nghiên cứu lịch sử truyền thống các dòng họ có ý nghĩa to lớn trong việc giữ gìn, phát huy truyền thống văn hoá ở mỗi gia đình,

dòng họ, góp phần làm rõ lịch sử văn hoá địa phương, làm phong phú thêm lịch sử dân tộc, giúp chúng ta hiểu rõ hơn thân thế, sự nghiệp của các danh nhân lịch sử.

1.2. Từ xưa nhân dân ta có câu *"Chim có tổ, người có tông", "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây"*, đó là truyền thống đạo lý của người Việt Nam. Ngày nay, khi kinh tế phát triển, đất nước đã và đang hội nhập ra thế giới thì bản sắc văn hoá càng được coi trọng và đề cao, xu hướng tìm về cội nguồn có sức hút ngày càng lớn. Nhiều họ tộc đã nghĩ đến việc chấn chỉnh nề nếp tông môn và phục hồi tinh thần gia tộc trong lòng các thế hệ con cháu. Mặt tích cực của việc làm này là nhiều dòng họ khôi phục lại đền thờ, lăng mộ và một số làng nghề, biên soạn lại gia phả, tộc phả, gia sử và biên niên các ngày giỗ kỵ tiên nhân cùng các vấn đề ngoại phả; thu thập tài liệu về tổ tông, tìm cách liên lạc, kết nối lại mối dây quan hệ của các chi nhánh họ từ xưa cũng như thông tin liên lạc với họ hàng ở xa; khơi dậy truyền thống dòng họ, từ đó giáo dục con cháu hậu thế có ý thức tộc họ. Bên cạnh đó không tránh khỏi những hạn chế như tranh chấp, mâu thuẫn giữa các tộc họ về một số vấn đề nhạy cảm…Vì vậy, việc nghiên cứu văn hoá dòng họ một cách nghiêm túc, khoa học có ý nghĩa to lớn nhằm phát huy mặt tích cực, xóa bỏ mặt tiêu cực; dẫn dắt mỗi người hướng về cội nguồn; khơi dậy lòng tôn kính tổ tiên, ý thức đoàn tụ, củng cố tinh thần đoàn kết rộng lớn trong cả cộng đồng dân tộc Việt Nam.

1.3. Hương Sơn là một huyện có lịch sử phát triển lâu đời. Đất địa linh sinh nhân kiệt, Hương Sơn đã trở thành điểm dừng chân, quần cư và phát triển của nhiều dòng họ nổi tiếng như Nguyễn Khắc, Đinh Nho, Tống Trần, Lê, Đặng…Các dòng họ đã cùng nhau chinh phục thiên nhiên, khai hoang lập ấp, ổn định cuộc sống, xây dựng vùng đất Hương Sơn ngày càng phát triển.

Dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn có nguồn gốc từ đất Ninh Bình. Tổ tiên dòng họ Đinh Nho đến Hương Sơn định cư vào khoảng 1543 - 1546. Trải qua hơn 460 năm với 20 đời, đến nay con cháu của dòng họ Đinh Nho đã có mặt ở hầu hết các xã và thị trấn trong huyện, tập trung nhất ở các xã Sơn Hoà, Sơn Tân, Sơn Châu, Sơn Ninh. Ngoài ra, hậu duệ của dòng họ còn sinh sống ở các huyện khác trong tỉnh Hà Tĩnh và các tỉnh khác trong cả nước. Dòng họ Đinh Nho được đánh giá là một *"cự tộc"* của đất Hương Sơn, đã cống hiến nhiều nhân tài sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương đất nước.

Xuất phát từ những ý nghĩa khoa học và thực tiễn trên, chúng tôi mạnh dạn chọn đề tài "***Lịch sử - văn hoá dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn, Hà Tĩnh từ thế kỷ XVI đến 2007***" làm đề tài luận văn Thạc sĩ của mình. Với mong muốn góp phần đưa đến cho mọi người cách nhìn khái quát, đầy đủ về gia tộc Đinh Nho, về mối quan hệ giữa họ Đinh Nho với một số dòng họ khác trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh; những đóng góp của dòng họ Đinh Nho đối với quê hương đất nước.

2. Lịch sử vấn đề:

Hiện nay, với xu thế tìm về cội nguồn, vấn đề nghiên cứu các dòng họ đang được nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu quan tâm bởi lịch sử văn hoá dòng họ là một trong những thành tố hình thành nên văn hoá dân tộc, không có dòng họ nào lại không liên quan và gắn bó chặt chẽ với lịch sử dân tộc. Vì vậy, thời gian gần đây trong xu thế gìn giữ và phát huy những giá trị văn hoá của mỗi địa phương nói riêng, của dân tộc nói chung, các công trình nghiên cứu về văn hoá dòng họ hay những nhân vật nổi bật của dòng họ ngày càng tăng về số lượng lẫn chất lượng, từ đó đã góp phần lưu giữ, phát huy các truyền thống tốt đẹp, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ngày càng giàu đẹp.

Dòng họ Đinh Nho là một trong những dòng họ nổi tiếng ở vùng đất Hương Sơn. Ngay từ những ngày đầu về đất Hương Sơn định cư, khai hoang lập ấp, các thế hệ họ Đinh Nho luôn luôn có ý thức và có những biện pháp thiết thực nhằm củng cố lòng tự hào tông tộc, tôn vinh những giá trị văn hoá truyền thống của dòng họ mình. Cho đến nay, lịch sử văn hoá dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn đã được nghiên cứu qua một số tài liệu sau:

- *"Hương Yên phổ tự"*, đây là tác phẩm đầu tiên đề cập đến dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn do Hàn lâm viện Thi giảng học sĩ Đinh Thái Lãng (Đời thứ mười hai của dòng họ Đinh Nho) biên soạn. Tác phẩm này đã được biên dịch ra chữ quốc ngữ. Tác phẩm có ý nghĩa như là một cuốn gia phả đầu tiên của dòng họ Đinh Nho, trong đó ghi lại quá trình di cư của ông tổ Đinh Phúc Diên và sự phát triển của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn. Ngoài ra, tác phẩm còn có ý nghĩa như những lời giáo huấn của thế hệ đi trước truyền lại cho các thể hệ con cháu

- Tác phẩm *"Đại Việt sử ký toàn thư"* của tác giả Ngô Sỹ Liên, trong bộ sử được biên soạn công phu này có đề cập đến một số nhân vật của dòng họ Đinh Nho, tuy nhiên mới chỉ là sự ghi chép những cá nhân của dòng họ và các hoạt động liên quan đến các cá nhân.

- Tác phẩm *"Danh nhân Văn hoá Việt Nam"* của tác giả Lê Minh Quốc cũng có đề cập đến một nhân vật tiêu biểu của dòng họ Đinh Nho đó là ông Đinh Nho Hoàn, nghiên cứu dưới góc độ là biên niên sử và những đóng góp chính của ông.

- Bài *"Dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn"* đăng trên Báo Hà Tĩnh (số ra ngày 17/4/1999), bước đầu nghiên cứu về truyền thống khoa bảng của dòng họ Đinh Nho.

- Bài *"Làng Gôi Mỹ"* trong sách *"Làng cổ Hà Tĩnh"* của tác giả Thái Kim Đỉnh có nghiên cứu một cách khái quát về lịch sử văn hoá và truyền

thống của Làng Gôi Mỹ (xã Sơn Hoà), nơi định cư và phát triển của dòng họ Đinh Nho.

- *"Hồi ký"* của Giáo sư Đặng Thai Mai có phần viết về Bà nội Đinh Thị Chiên - một người con gái của dòng họ Đinh Nho.

Nhìn chung, các tư liệu trên đã đề cập đến lịch sử - văn hoá truyền thống cũng như một số đóng góp của con cháu họ Đinh Nho ở Hương Sơn đối với lịch sử quê hương. Tuy nhiên, tất cả đều là những nghiên cứu riêng lẻ, chưa đi sâu nghiên cứu và hệ thống hóa một cách toàn diện về quá trình phát triển của dòng họ, đóng góp của dòng họ đối với quê hương nói riêng, dân tộc nói chung, những di sản văn hoá truyền thống và hiện trạng. Do đó, vấn đề đặt ra là cần đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện hơn về lịch sử văn hoá dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn - Hà Tĩnh.

3. Phạm vi nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học của đề tài:

3.1. Phạm vi nghiên cứu:

Trên cơ sở những tài liệu hiện có chúng tôi đặt ra phạm vi nghiên cứu là lịch sử - văn hoá dòng họ Đinh Nho trên đất Hương Sơn từ thế kỷ XVI đến 2007.

3.2.Nhiệm vụ:

Trong qúa trình nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi sẽ giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Tìm hiểu một cách toàn diện, có hệ thống về quá trình hình thành, phát triển của dòng họ Đinh Nho trên đất Hương Sơn, những đóng góp chính của dòng họ đối với quê hương, dân tộc.

- Đi sâu tìm hiểu một số gương mặt nổi tiếng của dòng họ Đinh Nho, đặc biệt là Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn, Đinh Nho Côn, Đinh Nhật Thận và hậu duệ để hiểu thêm về những cống hiến của họ đối với dòng họ và quê hương.

- Tìm hiểu văn hoá truyền thống, những di sản văn hoá của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn, vị trí và đóng góp của dòng họ Đinh Nho trong lịch sử văn hoá vùng đất Hà Tĩnh.

4. Nguồn tư liệu và Phương pháp nghiên cứu:

4.1. Nguồn tài liệu:

4.1.1. Nguồn tư liệu gốc:

Chúng tôi nghiên cứu các bộ chính sử, các bộ gia phả của dòng họ Đinh Nho (Gia phả Đại tôn, Gia phả các chi thứ ở xã Sơn Tân (Hương Sơn), ở huyện Thanh Chương)…các văn bia, câu đối, hoành phi ở Đền Gôi Mỹ, ở Nhà Thờ dòng họ Đinh Nho ở xã Sơn Hoà, ở các khu lăng mộ của dòng họ. Hồ sơ lưu trữ tại Sở Văn hoá thể thao và du lịch tỉnh Hà Tĩnh về Di tích văn hoá đền Gôi Mỹ.

4.1.2. Tài liệu nghiên cứu:

Các tài liệu nghiên cứu lịch sử, văn hoá mà chúng tôi tham khảo như: *Nghệ An kí* của Bùi Dương Lịch, *Hoan Châu kí* của Nguyễn Cảnh Thị, *Công diệp tư chí* của Vũ Phương Đề. Một số ấn phẩm của tác giả Ninh Viết Giao như: *Văn bia Nghệ An, Nghệ An - Lịch sử và văn hóa*.

Một số ấn phẩm của Ban Tộc biểu và Ban liên lạc các chi họ của dòng họ Đinh Nho ở các tỉnh.

4.1.3. Các tài liệu khác:

Ngoài các tài liệu trên, chúng tôi còn sử dụng các tài liệu công cụ để tra cứu như: *"Khoa bảng Nghệ An (1075 - 1919)"* của Đào Tam Tĩnh (2005), *"Các nhà khoa bảng Nghệ An (1075 - 1919)"* của Ngô Đức Thọ, *"Từ điển nhân vật lịch sử"* của Nguyễn Quốc Thắng và Nguyễn Bá Thế. Bên cạnh đó chúng tôi còn khai thác một số tài liệu kỷ yếu hội thảo khoa học, một số tài liệu viết tay, một số bài báo, tạp chí có liên quan đến đề tài nghiên cứu như: Kỷ yếu hội thảo *"Văn hoá các tỉnh Bắc Trung Bộ"* năm 1997, Kỷ yếu hội

thảo *"Văn hoá các dòng họ ở Nghệ An"* năm 1997. Các công trình nghiên cứu, các luận văn Đại học và Thạc sĩ lưu trữ tại Thư viện trường Đại học Vinh có liên quan đến vùng đất Hương Sơn và dòng họ Đinh Nho.

4.1.4 Tài liệu điền dã:

Để bổ sung tư liệu cho đề tài, chúng tôi còn tìm hiểu, khảo cứu đi thực tế tại nhà thờ dòng họ Đinh Nho ở xã Sơn Hoà (Hương Sơn), đền Gôi Mỹ ở xã Sơn Hoà, đền Bạch Vân ở xã Sơn Thịnh (Thịnh Xá), các khu lăng mộ của dòng họ (ở các xã Sơn Phúc, Sơn Tiến, Sơn Bằng, Sơn Hoà). Đồng thời chúng tôi cũng gặp gỡ và trao đổi với các cụ bô lão, các tộc trưởng của các chi dòng họ Đinh Nho như ông Đinh Nho Quỳ, ông Đinh Nho Phi, ông Đinh Nho Đông...

4.2 Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp nghiên cứu mà chúng tôi sử dụng trong khoá luận này là:

- Phương pháp lịch sử.
- Phương pháp logic.
- Các phương pháp liên ngành: Thống kê, đối chiếu, so sánh.
- Kết hợp với các phương pháp điền dã, sưu tầm tư liệu lịch sử địa phương.

5. Đóng góp của đề tài:

- Luận văn giới thiệu quá trình hình thành, phát triển của dòng họ Đinh Nho trên đất Hương Sơn, giúp mọi người hiểu hơn về dòng họ Đinh Nho - một *"cự tộc"* của Hương Sơn và xứ Nghệ với những nét văn hoá truyền thống quý báu, góp phần giáo dục đạo đức, tư tưởng nhằm gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc.

- Qua nghiên cứu lịch sử - văn hoá dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn, chúng tôi mong muốn góp phần làm sáng tỏ thêm thân thế sự nghiệp và đóng góp của những nhân vật lịch sử Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn, Đinh Nho

Côn, Đinh Nhật Thận, Đinh Xuân Lâm, Đinh Nho Liêm…đối với lịch sử địa phương và dân tộc.

- Luận văn góp phần làm phong phú thêm truyền thống văn hoá của địa phương và trở thành nguồn tư liệu để nghiên cứu về lịch sử, xã hội và văn hoá dân tộc.

- Luận văn với việc tôn vinh những giá trị văn hoá truyền thống của dòng họ sẽ góp phần gìn giữ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, góp phần xây dựng *"gia đình văn hoá", "làng văn hoá*", tiến tới xây dựng nền văn hoá Việt Nam *"tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*.

6. Bố cục của khoá luận:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục nội dung chính của luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA DÒNG HỌ ĐINH NHO TRÊN ĐẤT HƯƠNG SƠN TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN 2007

Chương 2: VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG CỦA DÒNG HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH.

Chương 3: NHỮNG NHÂN VẬT TIÊU BIỂU CỦA DÒNG HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH.

NỘI DUNG:

CHƯƠNG 1:

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA DÒNG HỌ ĐINH NHO TRÊN ĐẤT HƯƠNG SƠN TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN 2007

1.1. Hương Sơn - Đất và Người

1.1.1. Điều kiện địa lý tự nhiên và phát triển kinh tế

Hương sơn là địa danh có nhiều chứng tích lịch sử, phong cảnh sông núi hữu tình, mỗi làng quê, mỗi ngọn núi đều mang trên mình những huyền thoại.

Hương Sơn là một huyện miền núi thuộc vùng Bắc Trung Bộ, nằm về phía Tây Bắc của huyện Hà Tĩnh, trải dài trên Quốc lộ 8A. Giới hạn Đông - Tây là từ cầu Linh Cảm bắc qua sông La đến cửa khẩu Cầu Treo - biên giới ngăn cách hai nước Việt Nam và Lào, có toạ độ địa lý từ 105^0 16’ đến 105^0 34’ kinh Đông và 18^0 17’ đến 18^0 38' vĩ Bắc.

Ranh giới huyện được xác định: phía Bắc giáp huyện Nam Đàn và huyện Thanh Chương của tỉnh Nghệ An, phía Đông giáp huyện Đức Thọ, phía Tây giáp tỉnh Bô-li-khăm-xay của Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, phía Nam giáp huyện Vũ Quang. Trung tâm chính trị huyện Hương Sơn cách thành phố Hà Tĩnh khoảng 70km về phía Tây Bắc.

Huyện Hương Sơn có từ đời Lê (XV - XVIII) và cơ bản vẫn giữ nguyên địa giới như hiện nay tuy có thay đổi ít từ năm 1876, khi tách phần phía Nam vào thuộc huyện Hương Khê. Từ năm 1945 đến tháng 8-2000 vẫn không có gì thay đổi. Đến tháng 8-2000 tách xã Sơn Thọ vào huyện Vũ Quang. Nay Hương Sơn là một trong 11 huyện, thị xã của tỉnh Hà Tĩnh, gồm có 2 thị trấn: Thị trấn Phố Châu, Thị trấn Tây Sơn, trong đó Phố Châu là trung tâm văn hóa - chính trị của huyện, thị trấn Tây Sơn là trung tâm dịch vụ thương mại

của huyện, là đầu mối lưu thông hàng hoá từ cửa khẩu Cầu Treo đến các vùng khác trong cả nước. Ngoài 2 thị trấn huyện Hương Sơn có 30 xã: Sơn Bằng, Sơn Thịnh, Sơn Trung, Sơn An, Sơn Bình, Sơn Diệm, Sơn Giang, Sơn Hà, Sơn Hồng, Sơn Kim I, Sơn Kim II, Sơn Lâm, Sơn Lễ, Sơn Long, Sơn Lĩnh, Sơn Mỹ, Sơn Ninh, Sơn Phố, Sơn Phúc, Sơn Quang, Sơn Tân, Sơn Tây, Sơn Thuỷ, Sơn Tiến, Sơn Trà, Sơn Trường. Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 110.314,98 ha chiếm 18,33% diện tích tự nhiên toàn tỉnh (huyện Hương Sơn có diện tích tự nhiên lớn thứ hai toàn tỉnh sau huyện Hương Khê) [1;7].

Địa hình Hương Sơn có đủ loại rừng núi, đồi trọc, có rừng rậm đại ngàn, có rừng thưa, đồi núi liên hoàn nối tiếp nhau tạo thành hình cánh cung theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Hương Sơn có 165 ngọn núi, 160 con khe, 128 đồi, rú, cồn. Điều kiện tự nhiên của huyện rất thuận lợi cho một nền nông nghiệp nương rẫy xen lẫn nền nông nghiệp trồng lúa nước ở các thung lũng lòng chảo và ven các bờ khe suối xung quanh lưu vực sông Ngàn Phố.

Ở đây có rất nhiều đồi, độ dốc không lớn lắm rất thuận lợi cho việc trồng chè, cây ăn quả và canh tác các loại lúa nương lúa rẫy và các loại hoa màu khác như ngô, sắn, đậu, lạc... Hằng năm, kinh tế vườn ở Hương Sơn phát triển vào loại nhất nhì của tỉnh Hà Tĩnh với các loại hoa quả như: cam, quýt, bưởi, mít, dứa...Từ xưa, người dân Hương Sơn vẫn truyền nhau câu nói *"Nhất mẫu trạch bằng bách mẫu điền"* cũng là để khẳng định tầm quan trọng của kinh tế vườn ở vùng đất này. Kinh tế vườn đồi cùng với nghề chăn nuôi hươu hàng năm đưa lại cho người dân Hương Sơn một nguồn thu nhập lớn góp phần quan trọng vào việc đảm bảo đời sống.

Tài nguyên thiên nhiên ở huyện Hương Sơn khá phong phú, nhất là tài nguyên đất và rừng. Tài nguyên đất ở huyện Hương Sơn có 6 nhóm với 14 loại khác nhau: đất phù sa, đất xám bạc màu, đất đỏ vàng, đất thung lũng, đất xói mòn, đất mùn vàng đỏ.

Diện tích rừng của huyện hiện có 83.852, 57 ha chiếm 75,65% diện tích tự nhiên. Tài nguyên động thực vật đa dạng và phong phú, một số loại gỗ quý hiếm và có giá trị kinh tế cao như Pơmu, Lim xanh, Vàng tâm...Theo nghiên cứu trong vườn quốc gia Vũ Quang (có một phần diện tích nằm trên địa bàn huyện Hương Sơn) có 76% diện tích là rừng tự nhiên và được chia thành hai kiểu rừng chính: Rừng kín thường xanh á nhiệt đới bố trên độ cao 1000m chiếm khoảng 20% diện tích với hai loài ưu thế là Pơmu và Hoàng Đàn; kiểu rừng xanh ín nhiệt đới dưới 1000m, với trữ lượng gỗ lớn. Đã thống kê được 465 loài thực vật bậc cao với nhiều loại quý hiếm như: Cẩm Lai, Lát hoa, Lim, Dổi, Pơmu, Hoàng đàn, Trầm hương... và nhiều cây dược liệu quý. Về động vật đã thống kê được 70 loài thú trong đó có nhiều loài quý hiếm như Sao la, Mang lớn, Hổ, Voi...

Không chỉ nổi tiếng bởi sự phong phú về tài nguyên thiên nhiên mà Hương Sơn còn nổi tiếng với nhiều danh lam thắng cảnh. Nơi đây có khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia thuộc khu vực xã Sơn Kim hiện vẫn có gìn giữ được nét nguyên sở của rừng nguyên sinh với nhiều loài động thực vật được ghi trong sách đỏ Việt Nam. Hương Sơn còn có nhiều di tích danh thắng như chùa Tượng Sơn ở làng Yên Hạ (nay thuộc xã Sơn Giang) được thân mẫu của Đại danh y Lê Hữu Trác sáng lập và xây dựng từ thời Hậu Lê. Khu di tích Hải thượng Lãn ông Lê Hữu Trác gồm: nhà thờ Lê Hữu Trác ở thôn Bầu Thượng (nay thuộc xã Sơn Quang) và mộ Lê Hữu Trác ở núi Minh Từ (xã Sơn Trung) đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xếp hạng Di tích văn hoá cấp Quốc gia. Đền Gôi Mỹ ở xã Sơn Hoà thờ 4 vị thần của dòng họ Đinh Nho. Nhà thờ danh tướng Nguyễn Thiện Thuật ở xã Sơn Ninh...

Về danh sơn có núi Đại Hàm là núi trấn của huyện Hương Sơn. Sách Đại việt sử ký chép: "Vua Lê Thái Tổ vây thành Nghệ An, tham tướng của giặc Minh là Lý An từ Đông Quan đến. Nhà vua đón biết Trấn Trí đã bị hãm

lâu ngày, nay nếu viện binh đến là có thể chúng sẽ đánh ra, nhà vua bèn dời tới đóng quân ở Đỗ Gia (tức huyện Hương Sơn thời cổ) đào hào ở cửa sông đặt phục binh ở bờ sông đón giặc". Sách *"Nghệ An địa chí"* có thơ rằng *"Lê Hoàng bình Bắc khấu, tằng thử phấn minh tiên"* (Vua Lê dẹp giặc Bắc từ đây nức lòng tiến lên) là nói về việc ấy vậy.

Thành Lục Niên trên núi Thiên Nhẫn, một nửa thuộc huyện Thanh Chương, một nửa thuộc về huyện Hương Sơn. Tương truyền: Vua Lê Thái Tổ khởi binh cầm cự với giặc Minh đắp thành đóng quân ở đây 6 năm. Thơ xưa có câu: *"Lục Niên cung kiếm anh hùng thủ, nhất chẩm yên hà ẩn dật tình"*.

Cảnh vật thiên nhiên Hương Sơn quả thật là đẹp, tài nguyên thiên nhiên phong phú nhưng có một điều mà có lẽ thiên nhiên đã tạo ra để thử thách con người nơi đây đó là khí hậu. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, lại bi chi phối bởi yếu tố địa hình sườn Đông của dãy Trường Sơn nên có sự phân hoá rất khắc nghiệt với đặc trưng là mùa đông lạnh ẩm, mưa nhiều còn mùa hè thì khô nóng. Nhiệt độ ở đây tương đối thấp với nền nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 23,4^0 C, nhiệt độ thấp tuyệt đối khoảng 4 - 5^0 C. Tổng lượng mưa hàng năm của huyện tương đối lớn (từ 2000 - 2100mm), nhưng phân bố không đều giữa các tháng trong năm. Số giờ nắng trung bình cả năm khoảng 1.463 giờ, mùa hè nắng thường gay gắt bất lợi cho quá trình quang hợp của cây trồng, ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp. Trên địa bàn huyện chịu ảnh hưởng bởi hai loại gió: gió mùa Đông Bắc về mùa đông làm nhiệt độ giảm xuống nên thường gây hậu quả xấu đến sản xuất nông nghiệp. Gió Tây Nam (gió Lào) ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hằng năm, trên địa bàn của huyện chịu ảnh hưởng trực tiếp từ 1 - 2 cơn bão và áp thấp nhiệt đới. Bão thường xuất hiện vào các tháng 9 - 11 hàng năm, mưa to gió lớn gây lụt lội nên ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của

nhân dân. Thường lũ lên rất nhanh với biên độ lớn nhưng sau khi tanh mưa một thời gian ngắn thì nước sông lại rút cạn kiệt. Đặc biệt cơn lũ xuất hiện bất ngờ năm 2002 đã gây thiệt hại nghiêm trọng về vật chất và tinh thần trong huyện.

Xét về kinh tế, thì từ triều Lê về trước huyện Hương Sơn đất rộng, người thưa, dân chuyên cày ruộng, đánh cá hoặc săn bắt. Địa thế núi non bao bọc xen lẫn là đồng bằng nhỏ hẹp. Từ cuối triều Lê, việc khai khẩn ngày càng được mở rộng, sinh kế ngày càng phúc lợi, kinh tế thực nghiệp ngày càng hưng thịnh dần lên. Từ năm Ất Dậu niên hiệu Hàm Nghi (1885) rồi trải qua các triều đại Đồng Khánh, Thành Thái, loạn lạc tạo nhiễu, khổ đến sinh dân sinh, miền thượng du thì đất bỏ hoang, dưới đồng bằng thì người đông ở chen chúc, con đường mở mang kinh tế không khỏi có nhiều trở lực.

Từ năm thứ 10 niên hiệu Thành Thái (1900) trở về sau, nhờ việc chăm lo đê điều nên nông nghiệp đã có sự phát triển hơn so với trước. Kinh tế xã hội phát triển ổn định, đời sống nhân dân được nâng cao nên nhân dân đã chú ý và chăm lo đến việc học. Xem năm đầu niên hiệu Duy Tân (1907), tổng số thuế đinh điền toàn hạt chỉ có 4 vạn đồng mà đến năm thứ 4 niên hiệu Bảo Đại (1929) tổng số thuê đinh điền đã lên tới 47 vạn đồng.... Như thế tức là sự tiến bộ của nền kinh tế thực nghiệp có thể trông thấy được.

Do nhu cầu tự túc, tự cấp, từ xưa ở Hương Sơn đã có một số nghề thủ công cổ truyền gắn liền với nền kinh tế nông nghiệp, đã có một số sản phẩm thủ công nổi tiếng bán ra các địa phương khác như làm mộc ở Xa Lang (tức xã Sơn Tân), đồ tre, làm guốc, quạt giấy ở Thịnh Xá (xã Sơn Thịnh). Ở Đỗ Xá, Yên Ấp thợ dệt vải và nhiều nghề thủ công khác như rèn. Song hầu hết các nghề thợ ấy đều làm với quy mô nhỏ, đủ dùng cho đời sống, chứ trong chuyện buôn bán, đổi chác còn hạn chế.

Đến nay kinh tế nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng với diện tích gieo trồng hàng năm là 1.598 ha, các sản phẩm thóc lúa, đậu, lạc, sắn... cũng bình thường. Năm được mùa thì đủ ăn hàng ngày, năm mất mùa thì phải mua thóc lúa của các nơi khác về ăn. Đặc biệt, trong huyện, xã thôn nào cũng có trầu, cau, chè, dâu tằm, gỗ mít, nứa.... trong đó hai xã Hữu Bằng và Phúc Dương trầu và cau chiếm số nhiều. Hàng năm dân bán trầu cau thu lợi cũng khá. Tuy nhiên, hai thứ sản vật này mùa được, mùa thua không định, năm đắt năm rẻ thất thường. Chỉ có Cam là một loại đặc sản có giá trị cao được đem bán ở nhiều nơi trong tỉnh và cả nước.

Hương Sơn là một huyện miền núi. Do vậy, đất dùng cho lâm nghiệp là chủ yếu, với hai lâm trường trồng rừng và khai thác gỗ, tổng giá trị sản lượng công nghiệp đạt 1,6 tỷ đồng sản phẩm chủ yếu là từ gỗ. Đặc biệt, lâm trường trồng chè thu được nguồn lợi rất lớn. Chè Hương Sơn đã đi vào thơ ca tạo nên một ấn tượng đối với du khách:

"Ai về Hà Tĩnh thì về
Mặc áo lụa Hạ, uống chè Hương Sơn"

Vị chát, sắc xanh nõn nà của bát nước chè xanh đã trở thành sợi dây kết nối tình người *"chè ngon nước chát xin mời - nước non, non nước nghĩa người chớ quên"*. Là quê hương của niềm tự hào xứ Nghệ - kẹo Cu đơ nổi tiếng. Nếu được thưởng thức cùng bát nước chè xanh thì dư vị của nó không thể quên được.

Điều kiện tự nhiên phong phú và sự phát triển ổn định về kinh tế là tiền đề cho sự phát triển về xã hội của huyện Hương Sơn.

1.1.2. Điều kiện lịch sử - văn hoá

Hương Sơn là danh từ được phổ biến khá nhiều nơi trên đất nước Việt Nam. Nhưng để đặt tên cho một huyện thì chỉ có ở Hà Tĩnh, vùng đất mang nhiều huyền thoại. Huyện Hương Sơn vốn có các thứ sản vật quý, ngận thơm,

gỗ thơm, gạo thơm (tức nhiều sản vật có hương vị), địa thế lại có nhiều núi bao quanh, do đó mà có tên là Hương Sơn - núi thơm là vậy. Có tích cho rằng đây là khu vực sinh sống của loài động vật đặc biệt *"chồn ngận"* kích thước bình thường song có mùi hương toả ra đặc trưng, cho nên mảnh đất này được gọi là Hương Sơn (hương thơm của núi rừng).

Trong lịch sử phát triển lâu dài của mình, Hương Sơn đã mang nhiều tên gọi khác nhau. Theo *"Đại Nam nhất thống chí"* của Quốc sử quán triều Nguyễn: đất huyện Hương Sơn xưa thời nhà Đinh và nhà Tiền Lê thuộc châu Phúc Lộc, đất Hoan Châu. Thời nhà Lý thuộc châu Nghệ An, thời Trần gọi là hương Đỗ Gia. Thời thuộc Minh (1407 - 1427) tách thành hai huyện Cổ Đỗ và Thổ Hoàng thuộc Nghệ An phủ. Từ đầu thời Hậu Lê nhập lại thành một và lấy tên cũ là Đỗ Gia. Khoảng năm Quang Thuận (1469) thời Hậu Lê đổi tên thành huyện Hương Sơn gồm 10 tổng, 57 xã thôn thuộc phủ Đức Quang, xứ Nghệ An. Tên huyện Hương Sơn được ra đời từ đây.Năm Tự Đức thứ 21 (1867), nhà Nguyễn tách 5 tổng phía Nam là Quy Hợp, Chu Lễ, Phương Điền, Phúc Lộc, Hương Khê của huyện Hương Sơn đặt thêm huyện Hương Khê. Từ năm 1867, đất huyện Hương Sơn chỉ còn lại 5 tổng phía Bắc là Đỗ Xá, An Ấp, Hữu Bằng, Dị Ốc và Thổ Hoàng thuộc phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thời Việt Nam dân chủ Cộng hoà (1945 - 1975) là huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Từ năm 1976 - 1991 là huyện Hương Sơn, tỉnh Nghệ Tĩnh. Từ năm 1991 đến nay trở lại là huyện Hương Sơn thuộc tỉnh Hà Tĩnh [29;127].

Theo giáo sư Đinh Xuân Lâm phía tây Nam lưu vực sông Ngàn Phố, dọc theo bờ sông trước kia là địa hình cư trú của một số tộc người miền núi có tên gọi là Đào Lân, Kiêu Nang, Cá Lăng... ngước lên dãy Trường Sơn lên tận biên giới Việt Lào. Người dân nơi đây thường gọi là người *"Ri"*. Các tộc người này đã sinh sống ở đây từ trước thế kỷ XV (Năm Quang Thuận thứ 10

đời Lê Thánh Tông - 1469), nhưng trước sự xô đẩy của những người mới đến họ phải bỏ đất đi về phía biên giới thành lập xóm ở khe Chè, đá Gân... Còn đại bộ phận đã Kinh hoá. Dân trong huyện vốn thuần phác, nhẫn nại, cần khổ, kẻ sĩ thì không chuộng hoa sức, yên vui trong cảnh nghèo thiếu, làm dân thì tiết kiệm mà không nhỏ nhặt, tuy nhiên trong tầng lớp kẻ sĩ không khỏi có cái ngang ngạnh. Nhìn chung, quê mùa chất phác, nhân hậu mà thành ra giản dị, người miền sông gần chợ (như Thịnh Xá, Hoài Mỹ, Đỗ Xá, Hữu Bằng) thường yêu chuộng văn học, ít lo làm ăn sinh sống, chuyên việc công thương mà không lo việc cày cấy. Còn miền rừng núi Tình Diệm thì lại ít chuộng học vấn. Song số đông là hiếu học, trước kia học chữ Hán, chữ Pháp và bây giờ cũng vậy [18;11].

Ham học hỏi, tôn sư trọng đạo vốn là truyền thống tốt đẹp của nhân dân Hương Sơn. Tự hào là nơi sinh ra nhiều danh nhân nổi tiếng như Nguyễn Tuấn Thiện, Văn Đình Dận, Tiến sĩ Đinh Nho Công nổi tiếng liêm khiết, Nhị giáp tiến sĩ - Đinh Nho Hoàn làm quan đến chức Thượng bảo tự khanh [3;21].

Thời Lê Trung Hưng có người xã Tình Diệm, học Lê là Hải Thượng Lãn Ông (vốn quê ở Hải Dương sau đó về quê mẹ ở làng Tình Diệm - Hương Sơn) học vấn uyên thâm, không ra làm quan mà lui về chuyên tâm học nghề làm thuốc để cứu đời. Di sản người để lại là ba quyển *"Hải Thượng cầu nguyện"*, *"Y tông tâm lĩnh"* và *"Lĩnh Nam bản thảo"* rất có giá trị cho giới y học hiện nay. Nếu thế kỷ XIX có một Hà Học Hải quê ở làng Bình Hoà tổng Yên Ấp là ngọn cờ tiêu biểu cho đạo đức văn chương của kẻ hậu học ở Hương Sơn thì đến thế kỷ XX lại có nhà văn hoá Nguyễn Khắc Viện. Năm 1939, Nguyễn Khắc Viện tốt nghiệp Đại học y khoa Pari (Pháp). Ông từng dịch và biên soạn nhiều sách nước ngoài ra tiếng Việt hoặc ngược lại. Là trí thức yêu nước, ông từng làm Tổng thư ký hội liên hiệp Việt Kiều yêu nước. Ông được Đảng và Nhà nước ta tặng Huân chương độc lập hạng Ba (1984). Ông còn

dành nhiều thời gian nghiên cứu bộ môn tâm lý. Tuy có thời gian phải nằm một chỗ nhưng ông vẫn chịu đựng, chiến đấu với bệnh tật. Ông được bạn bè đồng nghiệp trong và ngoài nước đều khâm phục và kính trọng. Nhiều người đã gọi ông là học giả, nhà báo, nhà đại lý, nhà văn, nhà lịch sử, nhà điện ảnh, nhà hoạt động văn hoá, nhà soạn kịch.

Hương Sơn còn được biết đến là vùng đất giàu truyền thống yêu nước, thời nào cũng có những tấm gương tiêu biểu cho ý chí đấu tranh bất khuất, anh dũng, kiên cường chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương đất nước. Nhiều nhân vật là bậc công thần khai quốc. Tại đền Kim Quy ở Kẻ Sét (xã Sơn Ninh) còn đôi câu nói về sự nghiệp Nguyễn Tuấn Thiện, người làng Phúc Đậu, Xã Phúc Dương (nay là xã Sơn Phúc) *"khai quốc công thần tiên thái bảo, võ ban thế khoán, chế khoa Tuấn sĩ kế đại phu, văn phái giai phong"*[2;65]. Khoảng 1422 - 1423, ông tập hợp trai tráng trong làng và vùng xung quanh lập đội binh Cốc Sơn khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược. Khi nghĩa quân Lam Sơn vào đến Đa Lôi (xã Nam Kim - Nam Đàn ngày nay), Nguyễn Tuấn Thiện đưa nghĩa quân Cốc Sơn ra bái yết Bình Định Vương Lê Lợi xin cùng phối hợp chiến đấu.

Tương truyền, Lê Lợi và Nguyễn Tuấn Thiện giết ngựa trắng ăn thề dưới gốc cây thị ở xóm Nậy cùng kết nghĩa anh em. Từ đấy, đội quân Cốc Sơn trở thành một bộ phận của nghĩa quân Lam Sơn. Nguyễn Tuấn Thiện là một tướng giỏi điều đó được thể hiện trong trận thắng vang dội ở cửa sông Khuất (nay thuộc xã Sơn Bằng) và cửa sông Phố (nay thuộc xã Sơn Tân). Theo đà thắng lợi, nghĩa quân Lam Sơn Tiến xuống giải phóng Nghệ An rồi ra Thanh Hoá giải phóng hoàn toàn đất nước. Vua Thái Tổ xét công định thưởng, ông được xếp vào hàng công thần khai quốc, được ban quốc tính là Lê Thiện và được phong Đô Tổng quản, Phó Nguyên suý. Về sau, ông giữ

chức Đại tướng quân làm Hiệp trấn hai châu Hoan, Ái rồi cai quản một giải đất từ Châu Ô đến Đồ Bàn (Quảng Trị - Quảng Bình)

Dưới triều Lê - Niên hiệu Cảnh Hưng (1740 - 1786) dòng họ Văn Đình nổi tiếng tài giỏi. Tiêu biểu có Văn Đình Dận quê ở thôn Đông Tràng thuộc tổng Đỗ Xá. Chúa Trịnh đem lại quân đánh giặc tại Ngân Già, giặc nhân sơ hở mà đổ quân qua sông Nhị Hà, bức hiếp kinh sư. Lúc này, ông đang trấn giữ ở Sơn Tây, được biết tin sớm liền đem quân bản bộ tức tốc về kinh sư, đêm ngày đi luôn không nghỉ. Ba quân không dừng lại nấu cơm ăn. Ông có kế hoạch cứ cho 2 người gánh một cái chảo lớn, có sẵn nước và gạo trong chảo, một người thắp đuốc lớn dưới trôn chảo. Cứ như thế, vừa chạy vừa nấu cơm, cơm chín lại vừa chạy vừa ăn, gấp về kinh sư thì quân giặc đã tới tận bờ Bắc sông Nhị Hà. Giặc có 500 chiếc thuyền đã sắp qua sông. Ông cấp tốc họp quân bản bộ lại cho ra án ngự ở bến sông và ban đêm đốc thúc nhân dân hàng phố ra bố trí la liệt dọc bên, mỗi người cầm một bó hương thắp đỏ. Giặc đằng xa thấy khói hương nghi ngút, than lửa lập loè lại cứ phán đoán là súng, là lửa của quân quan, và tưởng là đại quân đã kéo đến, do đó chúng kinh sợ bỏ chạy, Kinh thành nhờ đó được vô sự. Đương thời người ta cho rằng Điều quận công (ông được phong tước Điều quận công) có công giúp nước chẳng ai sánh bằng.

Trong cuộc đấu tranh chống phong kiến, các cuộc khởi nghĩa nông dân đã bùng nổ khắp nơi. Hương sơn là một địa điểm tiêu biểu, dưới sự chỉ huy của Lê Hầu Tạo ở vùng núi huyện Hương Sơn, nghĩa quân lấy vùng Truông Mây làm căn cứ. Minh Mạng từ phía quân triều đình mấy lần kéo ra đàn áp đều bị nghĩa quân đánh cho tan tác. Biết không thể dùng sức mạnh được, tả quân Lê Văn Duyệt dùng âm mưu vừa bao vây, vừa dụ dỗ, mua chuộc. Đến cuối năm 1821, Lê Văn Duyệt lập mưu bắt mẹ già và em gái của Lê Hầu Tạo làm con tin, buộc ông phải ra hàng rồi giết chết lúc ông mới 30 tuổi. Mặc dầu

khởi nghĩa bị thất bại nhưng nó là nguồn cổ vũ to lớn để suốt mấy năm sau đó nhân dân Hương Sơn vẫn liên tiếp nổi dậy đấu tranh ở nhiều nơi.

Đầu năm 1823 cuộc khởi nghĩa do Lê Quang Chấn chỉ huy lan tràn trên hai huyện Hương Sơn (Hà Tĩnh) và Nam Đàn (Nghệ An). Quân triều đình từ Huế kéo ra kết hợp với quân địa phương nhằm đàn áp song vẫn không sao dẹp nổi. Các cuộc khởi nghĩa khi mãnh liệt, lúc âm ỉ vẫn liên tiếp nổ ra.

Tiêu biểu cho tinh thần yêu nước và ý chí chiến đấu của nhân dân Hương Sơn còn có nhân vật Cao Thắng - cháu nội Hiệu sinh Cao Quỳ, quê gốc ở xóm Cửa Nương, xã Phúc Dương. Lúc 10 tuổi ông đã đi theo đội Lựu làm liên lạc cho nghĩa quân Cờ Vàng. Khi gia nhập nghĩa quân đã được cụ Phan Đình Phùng hết sức tin cậy giao cho chức Quản cơ. Năm 1887, Phan Đình Phùng ra Bắc để liên kết các lực lượng chống pháp, Cao Thắng được trao quyền chỉ huy nghĩa quân. Ông đã xây dựng một hệ thống đồn luỹ, hình thành một thế trận liên hoàn dựa lưng vào dãy Thiên Nhẫn và Giăng màn rất lợi thế *"tiến khả dĩ công, thoái khã dĩ thủ"* không bị cô lập mà nằm giữa lòng dân, giặc Pháp tiến vào đây chỉ có thể theo một con đường độc đạo là quốc lộ 8 và như thế là đi vào đất chết.

Ngoài việc có con mắt tinh đời của một nhà chỉ huy quân sự đầy mưu lược, một nhà chỉ đạo tổ chức thực tiễn tài giỏi, Cao Thắng còn là một người sáng tạo, năng động, sớm nhận thức được vấn đề vũ khí có tác dụng rất lớn trong chiến tranh. Ông đã cho trưng tập thợ rèn ở Trung Lương, Vân Chàng, thợ mộc ở Xa Lang và mở lò rèn, đúc súng theo kiểu năm 1874 của Pháp. Hàng trăm khẩu súng được chế tạo bắn rất hiệu nghiệm. Tuy bắn không xa bằng súng của Pháp nhưng điều đó làm người Pháp hết sức bất ngờ. Hơn thế, Cao Thắng còn là một nhà chính trị tài giỏi. Vừa kiên quyết với kẻ phản bội, đối với người lầm lẫn chưa nhận ra lẽ phải, ông răn đe, cảnh cáo, đồng thời vận động quần chúng đóng góp sức người của cho nghĩa quân. Vì vậy căn cứ

địa Hương Sơn luôn được củng cố vững mạnh và từ đó làm bàn đạo để mở rộng địa bàn hoạt động, phá thế bao vây kìm kẹp của địch.

Giữa lúc tài năng đang đến độ chín muồi thì Cao Thắng hy sinh. Sự hi sinh này là một tổn thất vô cùng to lớn của nghĩa quân Hương Sơn, của phong trào chống Pháp ở Trung Kỳ. Cụ Phan đã đau đớn nghẹn tiếng nấc, vỗ vào quan tài Cao Thắng ông gào lên *"Trời hại tôi ! Trời hại tôi!"*. Trong văn điếu, các tướng lĩnh và nghĩa quân khóc *"nước Tam Soa thấp thoáng bóng trăng soi, nhớ kẻ trung trinh ngao ngán nhẽ"* [2;48].

Những cá nhân đó làm rạng danh khí tiết Hương Sơn nhưng hơn hết tạo nên lịch sử chính là quần chúng. Hầu hết, nhân dân Hương Sơn kể cả bộ phận giáo dân, đặc biệt là nhân dân các tổng Hữu Bằng, Yên Ấp, Đậu Xá, Dị ốc, Thượng Bồng... đều thể hiện khí tiết chiến đấu anh dũng và kiên cường, tạo mọi điều kiện cho nghĩa quân. Vì vậy, Hương Sơn từng là bến Đỗ Gia, núi Trạng Ẩn, một đại bản doanh trong khởi nghĩa Phan Đình Phùng...

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Chống Mỹ, Hương Sơn là địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ, đi đầu trong phong trào cách mạng của tỉnh nhà - là một trong những huyện dành chính quyền sớm nhất trong phong trào 1930 - 1931. Là tuyến lửa trong kháng chiến chống Mỹ, Hương Sơn vẫn vững chãi kiên cường. Lịch sử hôm qua, ngày nay được ghi nhận với 8 di tích cấp quốc gia, trong đó có những di tích mang trong mình nhiều biểu tượng như: Đình Gôi Mỹ, vừa mang biểu tượng của lòng trung quân ái quốc, biểu tượng tôn vinh người phụ nữ Việt Nam, vừa là chứng tích của cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Đặc biệt, theo số liệu tính đến năm 2000, Hương Sơn có 2826 liệt sỹ, 39 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 4 xã và 4 cá nhân được phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân [2;62].

Dòng sông Ngàn Phố giống như một thiếu nữ, đoan trang, hiền dịu vì cảm cảnh nên thơ, hùng vĩ mà ở lại dựng nhà, mở đất sinh cơ lập nghiệp, thì

chính những con người ấy đã tạo dựng lên sức sống, niềm tin, niềm kiêu hãnh cho xứ sở vốn được mệnh danh *"linh tú vô cùng"*. Một vùng đất có bề dày lịch sử văn hoá từ thời dựng nước.

"Miền Ngàn phố vang lừng tài lạ
Cõi Hà Thành náo nức tiếng đồn"

Trong tương lai, với nguồn nhân lực dồi dào, tài nguyên thiên nhiên phong phú, Hương Sơn không chỉ là vùng địa linh sinh ra nhân kiệt mà còn vươn lên trên tất cả mọi mặt kinh tế, văn hoá.

1.2. Sự hình thành và phát triển của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn thế kỷ XVI đến năm 2007

Hoà chung truyền thống văn hoá vẻ vang của vùng đất Hương Sơn, dòng họ Đinh Nho là một cự tộc thế phiệt trâm anh ở Hương Sơn và ở xứ Nghệ dưới chế độ phong kiến Lê - Trịnh - Nguyễn. Dòng họ này đã sản sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng cả trong chốn khoa mục, quan trường và võ bị.

Ông nguyên tổ của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn (Hà Tĩnh) là Đinh Phúc Diên vốn người họ Đinh ở Gia Viễn (Ninh Bình). Ông làm quan dưới triều Lê, về phe Lê Tuấn Mậu chống Mạc. Khi sự việc vỡ lở, Lê Tuấn Mậu bị Mạc Đăng Dung giết. Đinh Phúc Diên bị truy lùng nên đã cùng với hai người em là Đinh Phúc Tiên, Đinh Phúc An chạy vào xứ Nghệ. Tại đây, ba anh em đã tản ra sinh sống ở ba nơi khác nhau, Đinh Phúc Tiên ở Nghi Lộc, Đinh Phúc An ở Hưng Nguyên và Đinh Phúc Diên ở Hương Sơn.

Về Hương Sơn, Đinh Phúc Diên vẫn nuôi chí *"phù Lê, diệt Mạc"* nên đã khai hoang lập ấp ở thôn Bình Hoà (nay thuộc xã Sơn Hoà) và liên kết với Phạm Phúc Kính - thuỷ tổ của dòng họ Phạm ở Hữu Bằng (nay thuộc xã Sơn Bằng) để tập hợp binh sỹ, tích trữ lương thảo, phất cờ diệt Mạc. Vì có công phù Lê nên sau khi nhà Lê trung hưng, Phạm Phúc Kính được nhà Lê phong

tước Phú lân hầu, Đinh Phúc Diên được phòng tước Tả hiệu điểm công Tây hầu [3;6].

Đinh Phúc Diên sinh sống ở Bình Hoà cho đến lúc mất, thọ 93 tuổi. Mộ của ông được an táng tại xóm Cống, xã Sơn Thịnh. Nay đã được di về khu lăng mộ của họ Đinh Nho ở núi Áng Phần thuộc xã Sơn Hoà.

Ông tổ Đinh Phúc Diên là người có chí lớn, trọng nghĩa khí và cũng rất cần cù trong lao động, sống thanh bạch, cần kiệm. Đây chính là nền móng cho sự phát triển của cả dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn.

Hậu duệ của Đinh Phúc Diên tiếp tục sinh sống ở vùng Bình Hòa và dần dần khẳng định vị thế của mình. Có một điều đặc biệt là từ đời thứ nhất đến đời thứ bảy, dòng họ Đinh Nho độc đinh.

Đời thứ hai: Ông Đinh Phúc Trường, thuở nhỏ thọ giáo Trần tiên sinh ở Châu Ái. Năm 24 tuổi đã đậu tứ trường, 27 tuổi thi xã sách lại đỗ cao. Tuy nhiên ông không theo nghiệp quan trường mà mở lớp dạy học ở quê hương, ông say mê dẫn dụ lớp hậu sinh nên trong môn hạ của ông thành đạt rất nhiều. Ông Đinh Phúc Trường thọ 60 tuổi, mộ của ông an táng tại Lòi Chim Chim, thôn Yên Nghĩa, xã Hữu Bằng (nay là xã Sơn Bằng) [3;17].

Đời thứ ba: Ông Đinh Phúc Bảo, 19 tuổi đậu Tứ trường, sau khi thi Xã sách không đỗ ông chuyển sang làm nghề thuốc. Là một lương y, Đinh Phúc Bảo lấy nhân đức làm đầu *"không kể sớm hôm, khuya tối, hết lòng cứu chữa người bệnh, người nghèo cho không không lấy tiền, nhiều người đội ân đức của ngài"*. Ông Đinh Phúc Bảo thọ 73 tuổi, mộ phần của ông hiện tìm thấy [3;18].

Đời thứ tư: Đinh Chính Tính, 20 tuổi đậu Tứ trường, tính tình khoan hoà, chỉ làm hương lý chứ không theo nghiệp quan trường. Ông thọ 71 tuổi, lăng mộ được táng tại núi Ngọc Sơn thuộc xã Dị Ốc (nay là xã Sơn Long). Hiện nay con cháu đã di về lăng mộ tổ ở núi Áng Phần, xã Sơn Hoà [3;18].

Đời thứ năm: Đinh Phúc Khánh, 25 tuổi đỗ Tứ trường. Ông không thi cử để ra làm quan mà ở quê nhà sinh sống, vui thú ruộng vườn. Về sau ông tự xuất gia xin tu lý ở chùa Thanh Uyên làng Mân Xá (nay là xã Sơn Bình). Mộ của ông được táng tại núi Trai Sơn, thôn Tri Lễ (nay thuộc xã Sơn Tiến). Mộ của ông được Ngô tiên sinh (Ngô Tĩnh - thầy địa lý giỏi, người Quảng Đông) điểm huyệt [3;18].

Đời thứ sáu: Đinh Hữu Luân (1602 - 1676). Ông chăm chỉ học hành, có tiếng tăm rất sớm, 16 tuổi đã đậu Tứ trường (1617), 19 tuổi đã dự thi vào Năng Văn bộ (1620). Gặp lúc phương Nam có giặc, ông đã xuất gia binh tham gia cùng quân Triều đình chống giặc. Cảm công đức của ông, vua Lê Kính Tôn đã phong chức Huyện tá Đông Ngạn (thuộc tỉnh Thanh Hoá). Tới huyện nhận chức, ông không chút sao nhãng việc công, hết lòng chăm lo cho dân, nổi tiếng là quan thanh liêm.

Trong thời gian làm quan, có một lần ông đã ra tay cứu giúp một thuyền buôn của người Trung Quốc bị gặp bão tố trôi dạt, cấp quần áo, tiền gạo cho trở về quê hương. Bảy tháng sau, người ấy và gia quyến sang tạ ơn và đem theo một thầy phong thủy nổi tiếng và tạ rằng: *"Đội ơn tái tạo của ông, không dám đem vàng ngọc tạ lòng trong trắng nên chúng tôi đem vị tiên sinh này ở bản quốc để phát phúc cho nhiều người, cốt để báo cái đức thiện của nhà ông. Xin ông nhận lời"*. Ông mừng rỡ khôn xiết, lập tức cáo bệnh rồi từ quan, rước Ngô tiên sinh về quê hương.

Một hôm, ông thưa với Ngô tiên sinh rằng: *"Tiện gia này từ Ái Châu về đất này đã tới trăm năm, đời đời độc đinh, trai gái muộn màng. Vả đời nào cũng chăm chỉ về sự học mà giáp khoa, hoàng bảng chưa bõ công đèn sách, muốn nhờ tiên sinh tính liệu cho thế nào thì may cho tiện gia này lắm"*. Ngô tiên sinh trả lời rằng: *"Nhà ông tích thiện đã mấy đời nên các mộ tổ đều yên ả. Ta nay vì người Khách, chẳng quản sông sâu biển cả lặn lội tới đây*

chỉ cốt báo cái đức cho nhà ông. Xem sơn thuỷ ở huyện Hương Sơn này quyết không tiếc gì. Ngày nay, phúc nhà ông tới đâu, tức mắt ta có thể trông tới đấy, nào là phú quý phiến diện, nào là thế xuất danh nho đã bày ra trước mắt, dám quyết làm cho ông được thôi, xin chớ lo gì" [3;180].

Ngô tiên sinh đã xem phong thuỷ và điểm một âm phần có thế *"kế thế đăng khoa"* ở núi Trai Sơn (nay thuộc xã Sơn Tiến). Ông Đinh Hữu Luân đã đưa hai thân hợp táng ở đó.

Ngô tiên sinh lại khuyên lập một dương cơ ở thôn Gôi Mỹ (nay là xóm 9, xã Sơn Hoà) mà dạy rằng: *"Con cháu cứ chăm chỉ học hành thì đời đời phát đạt"*. Dương cơ này vốn là của quan Đô đài họ Nguyễn, tên chữ là Văn Trọng, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) hiệu Cảnh Thống đời vua Hiến Tôn, làm quan đến Đô đài Ngự sử. Hai con cùng đỗ Tứ trường nhưng về sau con cháu khinh khi đất đai nên bỏ hoang huỷ. Ông Đinh Hữu Luân bèn xin với hương trưởng rồi chuyển gia quyến từ thôn Bình Hoà về Gôi Mỹ.

Ông Đinh Hữu Luân mất năm Bính Thìn (1676), niên hiệu Vĩnh Tự thứ nhất đời vua Lê Hy Tông, thọ 75 tuổi.

Đời thứ bảy: Ông Đinh Nho Công sinh năm Đinh Sửu (1637), niên hiệu Dương Hoà thứ 3 đời vua Lê Thần Tông.

Ông nối dõi nghiệp nhà, chăm theo sự học, 14 tuổi đậu Tứ trường. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có điều kiện đi thi. Năm 1669, ông đi thi Hương và đậu Giải Nguyên, vào thi Hội ngày đỗ Tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thâm khoa Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Trị (1670).

Đinh Nho Công được bổ nhiệm làm Ngự sử đài Thiêm đô, Khoa công cấp sự trung.

Tính ông liêm khiết, hay bài bác bọn tham quan, cất nhắc người trung chính nên được Vua ưu ái, đề tặng bốn chữ *"Ngôn ngữ phong lăng"* và thăng

chức Thiêm đô Ngự sử (1692). Ông thụ chức Thiêm đô được 4 năm thì mất, thọ 59 tuổi.

Đến đời Cảnh Hưng, ông Đinh Nho Công được phong *"Anh nghị Đại vương"* và *"Đoan túc dực bảo Trung hưng Phúc thần"* và thờ ở đền làng Gôi Mỹ (thuộc xã Sơn Hoà) [3;20].

Một sự kiện đặc biệt cần nói đến đó là sự tri ân của dòng họ Tống Trần ở xã Sơn Hoà đối với dòng họ Đinh Nho đó là trong một lần công cán, ông Đinh Nho Công đã cùng vợ cưu mang và nuôi dưỡng một người con của một vị tướng họ Tống. Gia phả của họ Tống Trần ở xã Sơn Hoà còn ghi:

"Theo quê mẹ về nơi Gôi Mỹ
Làm con nuôi Đinh thị Đại vương"

Đời thứ tám: Ông Đinh Nho Công sinh hạ được 6 người con trai là: Đinh Nho Trạch, Đinh Nho Huân, Đinh Nho Hoàn, Đinh Nho Thận, Đinh Nho Thường, Đinh Nho Côn.

Đời thứ 8 là thế thứ có những dấu ấn ảnh hưởng đến sự phát triển của dòng họ Đinh Nho.

Ông Đinh Nho Trạch tên chữ là Thuần, sinh năm Bính Thân (1656). Ông đậu Hương Cống năm 18 tuổi. Tính ông ôn hoà, giản dị, dân làng ai ai cũng kính phục đức độ. Ông dựng nhà sống trên núi Tiêu Sơn, vui chơi cùng sơn thủy sống như một ông tiên nên còn được gọi là *"Già Tiên nhân"* hay *"Tiên phong Tiên nhân"*. Ông mất năm Tân Mão (1711), mộ phần của ông đã được hợp táng tại Áng Phần. Hậu duệ của Đinh Nho Trạch phát triển thành Chi trưởng của họ Đinh Nho ở Hương Sơn.

Ông Đinh Nho Huân mất sớm, không rõ năm sinh năm mất.

Ông Đinh Nho Hoàn sinh năm Tân Hợi (1671). Thuở nhỏ học hành chăm chỉ, năm 14 tuổi đỗ Tứ trường, năm 23 tuổi đỗ Giải nguyên, năm 30 tuổi ông đỗ Đệ nhị Tiến sĩ.

Sau khi đỗ đạt, ông được triều đình bổ nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Tham chính Sơn Tây, Đốc trấn Cao Bằng và được thăng tới chức Thượng bảo Tự khanh [3;21].

Năm 1715, ông Đinh Nho Hoàn được cử làm phó sứ sang Trung Hoa để giữ tình hoà hiếu bang giao. Chuyến đi thành công, sự thông minh khéo léo của ông đã gây được cảm tình của triều đình nhà Thanh. Tuy nhiên trên đường trở về thì ông lâm bệnh nặng và mất. Vua Khang Hi đã làm điếu văn và cho quân hộ tống đưa ông về nước. Vua Lê cũng đau buồn, thăng chức Lễ bộ tả thị lang. Đời Cảnh Hưng tấn phong *"Đắc đạt Đại vương"*, bản triều gia phong *"Tuấn lương lượng trực đoan túc dực Bảo trung hưng phúc thần"* [3;21].

Ông Đinh Nho Thận (không rõ năm sinh) học hành đỗ đạt, từng giữ chức Quan viên tự. Hậu duệ của ông Đinh Nho Thận phát triển thành Chi thứ của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn.

Ông Đinh Nho Thường cũng là người đỗ đạt, từng giữ chức Tri huyện. Con cháu ông về sau định cư ở Thuần Châu (Can Lộc) và phát triển thành một nhánh của dòng họ Đinh Nho.

Ông Đinh Nho Côn là một người văn võ kiêm toàn. Ông từng làm Tri phủ La Sơn, Tổng binh Đốc Lĩnh ở Kỳ Hoa (thuộc Kỳ Anh, Hà Tĩnh). Do có công lao nên ông được Vua ban chức *"Tổng binh Hương nghĩa hầu"*.

Về sau, ông sang đất Thanh Chương (Nghệ An) sinh sống. Con cháu ông nối nghiệp đèn sách và cũng có nhiều người đỗ đạt trong đó có chắt nội của ông là Đinh Nhật Thận. Tiến sĩ Đinh Nhật Thận kết thân với Cao Bá Quát chiêu binh chống lại triều đình mục nát nên khi Cao Bá Quát bị chém thì ông cũng bị tống ngục. Trong số thơ văn ông để lại có tác phẩm *"Thu dạ lữ hoài ngâm"* được đánh giá là một trong bốn khúc ngâm hay nhất thời bấy giờ. (Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Thu dạ lữ hoài ngâm).

Cảm công đức của ông, sau khi ông mất nhà Vua đã truy phong *"Đoan túc dực bảo trung hưng phúc thần"* và thờ tại Đền Gôi Mỹ (xã Sơn Hoà).

Đời thứ chín: Đến đời này, con cháu dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn đã phát triển đông đúc nên Họ Đinh Nho đã chia thành hai chi thứ và trưởng. Chi Trưởng là con cháu của ông Đinh Nho Trạch, Chi Thứ là con cháu của ông Đinh Nho Thận.

Ông Đinh Nho Trạch có 5 người con: Đinh Nho Thực, Đinh Nho Gia, Đinh Nho Liêu, Đinh Nho Lâm, Đinh Nho Thái, Đinh Nho Hoành.

Đinh Nho Thực sinh năm Kỷ Mùi (1679), từng giữ chức *"Huấn đạo Quản chiến"*. Ông mất năm Đinh Sửu (1757). Mộ phần được táng ở chân núi Côn Ngọc.

Bà chánh thất người họ Nguyễn ở làng Khả Lưu, bà thứ thất người họ Bùi ở xã Tình Diệm.

Ông Đinh Nho Thận có 3 người con trai là: Đinh Nho Thành, Đinh Nho Ngụ, Đinh Nho Phiên.

Đời thứ mười:

- Chi Trưởng: Ông Đinh Nho Thực có 7 người con trai

Con cả Đinh Nho Tễ là Hoàng tín Đại phu, Thái bộc tự Khanh, Văn Lĩnh hầu, tên huý là Phi. Ông sinh năm Ất Dậu (1705), mất năm Ất Dậu (1765). Mộ phần của ông hiện ở xã Thổ Vượng, Can Lộc.

Bà vợ là người họ Phan, con nhà danh giá ở thôn Hàm Lại.

Con thứ của ông Đinh Nho Thực là Đinh Nho Tuấn

Ông Đinh Nho Liêu có 4 người con trai: Đinh Lương Huệ, Đinh Nho Minh, Đinh Nho Dần, Đinh Nho Trung.

Ông Đinh Nho Hoành có 1 người con trai là: Đinh Nho Thân

- Chi Thứ:

Ông Đinh Nho Thành sinh được 6 người con trai: Đinh Nho Quýnh, Đinh Nho Dạng, Đinh Nho Trương, Đinh Nho Cung, Đinh Nho Quán, Đinh Nho Giai.

Ông Đinh Nho Ngụ sinh được 3 người con trai: Đinh Nho Kiều, Đinh Nho Khung, Đinh Nho Thủ.

Đời thứ mười một:

- Chi Trưởng:

Con cả ông Đinh Nho Tễ là ông Đinh Nho Quý, huý là Phê, chức Chỉ huy Đồng trị Hoan trung hầu. Ông mất năm Mậu Thân, thọ 67 tuổi, mộ phần được táng ở Ngọc Côn, nay cải táng về Áng Phần (xã Sơn Hoà).

Ông Đinh Nho Quý lấy vợ là Nguyễn Thị Chu, con gái Thượng thư Nguyễn Trọng Thường ở Trung Cần (Nam Đàn - Nghệ An). Bà thọ 83 tuổi, mộ ở Tham Chàng (xã Bình Hoà).

Ông Đinh Nho Tễ còn có 4 người con khác:

- Ông Đinh Nho Khế, thọ 50 tuổi, mộ táng tại Tham Chàng (xã Bình Hoà). Ông lấy vợ là bà Nguyễn Thị Thanh, con Tiến sĩ Thượng thư Nguyễn Trọng Thường ở Trung Cần (Nam Đàn - Nghệ An).

- Ông Đinh Nho Hành, mất sớm.

- Ông Đinh Nho Đính, huý là Định, Bà họ Trần

- Ông Đinh Nho Tân, Bà người họ Mai.

Con ông Đinh Lương Huệ: Đinh Hữu Nho, Bà vợ người họ Nguyễn

Con ông Đinh Nho Minh: Đinh Văn Phiệt

Con ông Đinh Nho Dần: Đinh Nho Thiện, Đinh Nho Thiều, Đinh Nho Viện, Đinh Nho Đoan.

Con ông Đinh Nho Trung: Đinh Nho Đại, Bà người họ Nguyễn.

Con ông Đinh Nho Thận: Đinh Nho Thế, Đinh Nho Cần [3;25].

- Chi thứ:

Con ông Đinh Nho Quýnh: Đinh Nho Toại, sống đến 100 tuổi nên còn được gọi là Cố Bách tuế, được Vua ban cho hai chữ *"Thọ dân"*.

Con ông Đinh Nho Dạng: Đinh Nho Giai

Con ông Đinh Nho Trương: Đinh Nho Thành

Con ông Đinh Nho Cung: Đinh Nho Huỳnh, Đinh Nho Tập

Con ông Đinh Nho Quán: Đinh Nho Tốn, Đinh Doãn Văn

Con ông Đinh Nho Giai: Đinh Văn Tấn

Con ông Đinh Nho Kiều: Đinh Nho Hiển, Đinh Hữu Dũng

Con ông Đinh Nho Khung: Đinh Văn An, Đinh Duy Khiêm [13;21]

Đời thứ mười hai:

- Chi Trưởng:

Con cả ông Đinh Nho Quý là Đinh Thái Lãng, huý là Vượng. Ông Thái Lãng thuở nhỏ ham học hỏi, đậu Cử nhân và được phong chức Triều liệt Đại phu Hàn lâm viện Thị giảng học sỹ. Ông là người rất có ý thức xây dựng nề nếp gia phong và đã soạn bộ gia phả *"Hương yên Phổ tự"*. Ông mất ngày 21 tháng 7 năm Kỷ Tỵ. Bà vợ là Trần Thị Bảng người xã Sơn Thịnh. Hiện mộ ông bà được hợp táng xứ Cồn Trọt (xã Sơn Hoà), nay đã được táng chung mộ tổ ở Áng Phần.

Từ đời thứ 12, do số đinh của họ đã lớn nên chúng tôi xin điểm qua những người cùng thế thứ.

Ông Đinh Nho Quý còn có một người con khác là Đinh Nho Thìn.

Con ông Đinh Nho Khế: Đinh Nho Trực, Đinh Hữu Diệu, Đinh Nho Khánh.

Con ông Đinh Nho Đính: Đinh Văn Khanh

Con ông Đinh Nho Tân: Đinh Thế Hào.

Con ông Đinh Hữu Nho: Đinh Bá Duy

Con ông Đinh Văn Phiệt: Đinh Văn Hiếu.

Con ông Đinh Nho Thiện: Đinh Duy Ích

Con ông Đinh Nho Thiều: Đinh Nho Sỹ

Con ông Đinh Nho Viện: Đinh Văn Sách, Đinh Văn Thế

Con ông Đinh Nho Đoan: Đinh Văn Gianh, Đinh Văn Thanh, Đinh Văn Giảng, Đinh Nho Hợp, Đinh Hữu Lực.

Con ông Đinh Nho Trung: Đinh Nho Đại

Con ông Đinh Nho Thế: Đinh Nho Tú, Đinh Nho Hùng.

Con ông Đinh Nho Cần: Đinh Văn Áng, Đinh Văn Mân.[3;27]

- Chi Thứ:

Con ông Đinh Nho Toại: Đinh Văn Nhu, Đinh Khắc Khâm.

Con ông Đinh Nho Tập: Đinh Nho Khiêm, Đinh Văn Giật

Con ông Đinh Nho Tốn: Đinh Văn Dinh, Đinh Văn Củ

Con ông Đinh Nho Văn: Đinh Văn Hữu

Con ông Đinh Nho Tấn: Đinh Văn Thuật

Con ông Đinh Nho Hiển: Đinh Văn Mậu, Đinh Nho Đờn.

Con ông Đinh Hữu Dũng: Đinh Văn Hạp, Đinh Văn Toàn, Đinh Văn Trung, Đinh Văn Định

Con ông Đinh Nho Khiêm: Đinh Văn Tình [13;22].

Đời thứ mười ba:

- Chi Trưởng:

Con ông Đinh Nho Vượng (Đinh Thái Lãng): Đinh Nho Tự, Đinh Nho Truyền, Đinh Nho Thịnh, Đinh Nho Bật, Đinh Nho Tặng. Ông Đinh Nho Tặng có một người con gái là Đinh Thị Chiên, lấy chồng là ông Đặng Thai Giai (Thanh Chương - Nghệ An), sinh ra Phó bảng Đặng Nguyên Cẩn. Ông Đặng Thai Giai là một sỹ phu yêu nước có tham gia tích cực trong phong trào Cần Vương.

Con ông Đinh Nho Thìn: Đinh Nhất Chiến.

Con ông Đinh Nho Trự: Đinh Văn Án, Đinh Văn Cử.

Con ông Đinh Hữu Điệu (Đạo): Đinh Khắc Tuỵ, Đinh Văn Đạt, Đinh Nho Khởi.

Con ông Đinh Nho Khánh: Đinh Văn Vỵ

Con ông Đinh Nho Khanh: Đinh Văn Bảy

Con ông Đinh Thế Hào: Đinh Văn Đoán, Đinh Văn Trinh

Con ông Đinh Bá Duy: Đinh Bá Ngoạn, Đinh Cư Kính, Đinh Văn Đội, Đinh Văn Tràng.

Con ông Đinh Văn Hiếu: Đinh Văn Giai

Con ông Đinh Duy Ích: Đinh Văn Điệu, Đinh Văn Bản

Con ông Đinh Văn Giảng: Đinh Văn Lan

Con ông Đinh Nho Hợp: Đinh Văn Học, Đinh Văn Thao

Con ông Đinh Nho Tú: Đinh Văn An

Con ông Đinh Nho Hùng: Đinh Văn Quy

Con ông Đinh Văn Áng: Đinh Văn Uẩn, Đinh Văn Ưng, Đinh Văn Phán, Đinh Văn Nhạ.

Con ông Đinh Văn Mận: Đinh Văn Thanh [3;29].

- Chi Thứ:

Con ông Đinh Văn Nhu: Đinh Văn Hội, Đinh Văn Thức

Con ông Đinh Khắc Khâm: Đinh Văn Thiều, Đinh Văn Nhã, Đinh Văn Nhạc

Con ông Đinh Nho Kiêm: Đinh Nho Hoá, Đinh Nho Chân, Đinh Nho Kiểm

Con ông Đinh Văn Dật: Đinh Văn Tồn

Con ông Đinh Văn Dinh: Đinh Văn Năm

Con ông Đinh Văn Củ: Đinh Văn Cử

Con ông Đinh Văn Hữu: Đinh Văn Vân

Con ông Đinh Văn Thuật: Đinh Văn Song, Đinh Văn Long, Đinh Văn Lương.

Con ông Đinh Văn Mậu: Đinh Nho Ngân (Ngụ)

Con ông Đinh Nho Đờn: Đinh Nho Tân, Đinh Văn Túc, Đinh Văn Phong.

Con ông Đinh Văn Hạp: Đinh Văn Giáo

Con ông Đinh Văn Toàn: Đinh Văn Hoạch

Con ông Đinh Văn Trung: Đinh Văn Trực

Con ông Đinh Văn Trung: Đinh Văn Trực

Con ông Đinh Văn Định: Đinh Văn Huy, Đinh Văn Đỉnh, Đinh Văn Chung

Con ông Đinh Văn Tình: Đinh Văn Phức, Đinh Văn Lãm.

Từ đời thứ 14, con cháu của cả hai chi của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn đã phát triển lớn mạnh. Trong khuôn khổ công trình nghiên cứu này, chúng tôi xin không liệt kê ra tất cả con cháu thuộc các thế thứ của dòng họ mà chỉ điểm qua một số cá nhân tiêu biểu của dòng họ qua các đời. ***Đời thứ mười bốn:***

Dòng họ vẫn tiếp tục phát triển, chỉ tính riêng thế thứ 14 đã có 69 đinh và hầu hết đều cư trú tại xã Sơn Hoà. Một số nhân vật tiêu biểu của đời thứ 14 như:

Đinh Nho Quang: là con cả của ông Đinh Nho Tặng. Ông Nho Quang đã đậu Cử nhân và được bổ làm Tuần phủ Phú Yên. Ông có bốn bà và có 15 người con gồm cả trai, gái [3;31].

Đinh Nho Điển (1848 - 1884), thuở nhỏ chăm chỉ học hành, năm 1868 đỗ Cử nhân khoa thi Mậu Thân, năm 1875 đỗ Tiến sĩ. Ông từng giữ các chức vụ cao như: Biện lý Hình bộ sự vụ, Kiêm quản thông Chánh sứ Tri ấn, Biên tu Quốc sử quán, hàm Chánh Tứ phẩm. Theo Hồi ký của Đặng Thai Mai

[27;153] thì năm 1884, sau khi Kinh thành Huế thất thủ, ông Đinh Nho Điển đã tuyệt thực mà chết. Năm 1899, được Vua Thành Thái sắc phong thần và cho dân lập đền thờ tại làng Mân Xá xã Sơn Thịnh và xóm Đồng Vực xã Sơn Hoà. Biển sắc phong bốn chữ: *"Sắc tứ lập từ"*. Biển sắc phong hiện còn tại đền thờ làng Mân Xá xã Sơn Thịnh và tại tiểu chi họ Đinh Nho ở xóm Đồng Vực. Ông có hai bà và có bốn người con [3;34].

Đinh Nho Điển có một người em gái được gả cho ông Đặng Thai Giai (bố của Phó bảng Đặng Nguyên Cẩn). Bà là bà nội của Giáo sư Đặng Thai Mai. Trong Hồi ký, Giáo sư Đặng Thai Mai đã dành hẳn một chương viết về Bà nội, ca ngợi công lao của Bà nội trong việc giáo dục ông để ông có được sự nghiệp thành công. Bà còn là người có công giúp phong trào cách mạng của Phan Bội Châu.

Đời thứ mười lăm:

Đinh Nho Bằng, đậu Cử nhân và được bổ làm Tri huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Gio Linh, Cẩm Xuyên, Yên Định. Sau cách mạng, ông được bầu làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt xã Sơn Hoà. Ông mất năm 1952 [3;41].

Đinh Nho Khôn (1887 - 1918), ông đậu Cử nhân Hán học. Cụ bà là Tôn Thị Bảy quê ở Thanh Chương (Nghệ An). Cụ Bảy là chị của Tôn Quang Phiệt và Tôn Thị Quế. Cụ Đinh Nho Khôn là một nhà nho yêu nước, đã có sự liên lạc với các tổ chức yêu nước thông qua Tôn Quang Phiệt và Tôn Thị Quế.

Đinh Nho Kham (Tú Chinh) (1889 - 1936), đậu Tú tài Hán học.

Đinh Nho Cẩn, đậu Tú tài Hán học. Bà người Nam Trung (Nam Đàn - Nghệ An).

Đinh Nho Chấn (Cụ Hán cống), Tú tài Hán học. Ông đã theo nghề y và là một lương y có tiếng, được nhân dân ca ngợi. Tất cả các công trình nghiên

cứu về y thuật của ông được tập trung trong sách *"Trung việt dược tính hợp biên"*. Ông có hai bà và 6 người con cả trai và gái [3;43].

Đinh Nho Đường (1890 - 1960), Cửu phẩm Bá hộ.

Đinh Nho Thục bí danh là Doãn Tế, là một người sỹ phu yêu nước, hoạt động cùng thời với Phan Bội Châu. Theo sách *"Việt Nam nghĩa Liệt sỹ"* thì Ông mắc trọng bệnh và mất năm 1910 khi đang trên đường từ Xiêm về Việt Nam cùng với Phan Bá Ngọc. Khi ông mất, Phan Bội Châu đã làm thơ điếu như sau:

"Bệnh đến mê trầm còn máu nóng
Người khi sống, chết thấy giao bằng
Tiếng triều kêu mạnh trên sông Khoóng
Từng cảnh mê li lại bất bằng" [3;10]

(Trích bản dịch chữ Hán)

Đinh Nho Bộc, tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thục. Bị địch bắt ngày 31/8/1921 tại Vinh và bị đày ra nhà lao Côn Đảo.

Đinh Nho Vy, tham gia cách mạng và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam khi còn rất trẻ. Ông từng giữ chức Phó Chủ tịch UBND tỉnh Kon tum.

Đời thứ mười sáu:

Đinh Nho Hưởng, Đảng viên, huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, nguyên là cán bộ UBND Tỉnh Nghệ An.

Đinh Nho Dật, nguyên cán bộ Ban công tác miền Tây Văn phòng Trung ương Đảng.

Đnh Nho Bát (1918 - 1995), đậu Tú tài Tây học, ông là cán bộ tiền khởi nghĩa, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông nguyên là Chủ nhiệm Chính trị học viện Chính trị.

Đinh Nho Đang (1911 - 1972), năm 1927 ông tham gia tổ chức Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, sau đó tham gia phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, giữ chức Bí thư Huyện uỷ Hương Sơn. Ông đã từng được giao giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Chính uỷ Trung đoàn 103, Giám đốc trường thiếu sinh quân Liên Khu IV, Chính uỷ Thành đội Hải Phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Khu III. Bà là Nguyễn Thị Tuyết, tham gia cách mạng rất sớm. Năm 1930 được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương. Ông bà có 5 người con cả trai và gái trong đó có một người con gái là Tiến sĩ Khoa học Đinh Thị Kim Oanh.

Đinh Nho Hàm (1906 - 1955), tốt nghiệp Thành chung năm 1930. Trước năm 1945 làm thừa phái Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Quảng Đà. Nguyên là thẩm phán toà án nhân dân Quảng Ngãi.

Đinh Nho Đảng (1913 - 1983), tốt nghiệp Thành chung. Trước năm 1945 là thẩm phán ở Quy Nhơn, thẩm phán Toà án Nhân dân tỉnh Bình Định sau đó về quê dạy học. Ông có hai bà: Bà Chánh thất Lê Thị Liên quê ở xã Nam Trung (Nam Đàn - Nghệ An) là cháu nội của Tiến sĩ Lê Nguyên Trung thời Vua Tự Đức, Bà Thứ thất là Nguyễn Thị Xuyến quê ở xã Sơn Tiến.

Đinh Xuân Lâm, sinh ra ở xã Sơn Tân thuộc dòng Chi Thứ của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn. Từ nhỏ ông theo song thân ra sinh sống và trưởng thành ở Thanh Hoá (Bố ông là Tri huyện Yên Định). Sau khi đỗ thành chung, ông học Trường Quốc học Huế và tốt nghiệp tú tài toàn phần ban Triết học văn chương. Sau Cách mạng tháng Tám, 1945, ông là một trong những thầy giáo trung học đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Năm 1954, ông được chuyển thẳng lên năm thứ 2 Đại học Sư phạm Văn khoa, đồng môn với Phan Huy Lê và Trần Quốc Vượng. Tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc, ông được giữ lại làm cán bộ giảng dạy Khoa Lịch sử Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Đinh Nho Liêm (1924 - 2008), thuở nhỏ ham học hỏi và tham gia cách mạng rất sớm. Nguyên là UV Trung ương Đảng Khoá (khoá V, VI), nguyên Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao. Ông từng được giao giữ chức đại sứ Việt Nam tại Ai cập, Lào, Liên xô cũ. Với những đóng góp to lớn của mình, ông Đinh Nho Liêm đã được trao tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương độc lập hạng 2, Huân chương kháng chiến hạng Nhất [13;34].

Đinh Nho Khoách, cán bộ tiền Khởi nghĩa, Huân chương Độc lập.

Đinh Xuân Vịnh, trước Cách mạng làm Thông phán Toà sứ Vinh, sau Cách mạng ông đi sâu nghiên cứu và khảo đính về lịch sử địa lý và văn hoá dân gian. Với những công trình nghiên cứu của mình, ông đã được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 2.

Đời thứ mười bảy:

Đinh Nho Thìn, đảng viên, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 3, nguyên là Phó Chủ tịch UBND Thành phố Vinh. Bà Phạm Thị Thất quê ở Đức Thọ.

Đinh Nho Chương, Tiến sĩ Toán học, nguyên là Chủ nhiệm Khoa Toán Đại học sư phạm Hà Nội. Danh hiệu: Nhà giáo ưu tú, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, Huy chương vì sự nghiệp giáo dục. Bà vợ là Đỗ Thị Nguyệt Ánh, nguyên là Hiệu trưởng Trường Khí tượng thuỷ văn Thành phố Hồ Chí Minh, Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, Huy chương vì sự nghiệp đào tạo.

Đinh Nho Hồng, Tiến sĩ Khoa học, Đại tá quân đội. Từng giữ chức Tuỳ viên quân sự Đại sứ quán Việt Nam tại Nga.

Đinh Nho Dũng, Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Viện trưởng Viện công nghệ thông tin thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Đinh Phạm Thái, Giáo sư, Tiến sĩ khoa học, giảng viên Đại học Bách khoa Hà Nội.

Đinh Xuân Việt, Phó Bí thư thường trực Tỉnh uỷ Hà Tĩnh.

Đinh Mạnh Đôn, nguyên Hiệu trưởng Trường Đảng Hà Tĩnh, danh hiệu: Nhà giáo ưu tú, Huân chương Độc lập.

Các đời tiếp theo, các thế hệ con cháu dòng họ Đinh Nho vẫn tiếp tục phát triển và có được nhiều sự thành công trên các cương vị công tác khác nhau.

Tính đến năm 2007, dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn đã có 20 đời nối tiếp nhau và phát triển mạnh mẽ. Các thế hệ con cháu của dòng họ Đinh Nho vẫn tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của dòng họ và đã có nhiều cá nhân đạt được thành công trong học tập và công việc, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Để ghi lại sự phát triển của dòng họ làm tấm gương cho con cháu đời sau, công tác tập trung tư liệu để biên soạn tiếp gia phả dòng họ vẫn đang được Ban Tộc biểu mà đứng đầu là ông Tộc trưởng Đinh Nho Quỳ tiến hành thường xuyên và tích cực.

Trải qua gần 500 năm lịch sử kể từ ngày ông Đinh Phúc Diên đến định cư ở Hương Sơn, dòng họ Đinh Nho đã trưởng thành và trở thành một dòng họ lớn, các thế hệ của dòng họ Đinh Nho đã lan toả định cư ở nhiều nơi trong cả nước. Dòng họ Đinh Nho là một dòng họ có bề dày về truyền thống hiếu học, trọng học và khoa bảng ở Hà Tĩnh nói riêng và cả nước nói chung.

Các thế hệ nối tiếp của dòng họ Đinh Nho luôn biết cách kế thừa và phát huy cao nhất truyền thống văn hoá dòng họ, truyền thống yêu nước của cha ông, ngày càng làm đẹp thêm những giá trị văn hoá của dòng họ trên đất Hồng Lam và cả những miền quê mới họ đến lập nghiệp.

CHƯƠNG 2:
VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG CỦA DÒNG HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH

2.1. Gia phong của dòng họ Đinh Nho

Dòng họ là sự tập hợp của nhiều gia đình có cùng huyết thống, và gia đình là tập hợp của từng cá nhân, từng con người cụ thể. Mỗi chúng ta khi được sinh ra không phải trở thành con người ngay mà phải qua một quá trình xã hội hoá trong môi trường gia đình, nhà trường, xã hội mới trở thành một con người theo đúng nghĩa của nó. Trong quá trình xã hội hoá đó, vai trò của gia đình đối với việc giáo dục và hình thành nhân cách con người từ lúc nhỏ đến lúc trưởng thành là rất quan trọng.

Nề nếp là một trong những yếu tố cơ bản của tổ chức gia đình và cả dòng họ. Một gia đình hay một gia tộc có nền nếp thường cung cấp cho xã hội và đất nước những công dân tốt, có tài năng và đạo đức. Theo đó, khi nói đến những gia đình có nề nếp, con cái được giáo dục, biết lễ nghĩa, trên kính dưới nhường, thuận hoà, thành đạt được xã hội thừa nhận và noi gương người ta thường gọi là những gia đình có gia giáo hay gia phong.

Gia phong hiểu theo nghĩa đơn giản là những quy củ ứng xử của mỗi con người trong gia đình và ngoài xã hội, là thái độ rèn luyện, tu dưỡng nhân cách được kế thừa qua nhiều thế hệ và mỗi thành viên trong gia đình từ khi được sinh ra và lớn lên được giáo dục, đó là những giá trị tinh thần truyền thống của mỗi gia đình, dòng họ. Ngày nay, chúng ta hiểu gia phong là những nét đẹp văn hoá đã trở thành nề nếp, được truyền lại và kế thừa từ đời này sang đời khác, được biến đổi cho phù hợp với không gian và thời gian.

Trong giai đoạn hiện nay, sự vận động mạnh mẽ của công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước có những tác động không nhỏ đến mọi mặt

đời sống của mọi tầng lớp nhân dân. Sự tác động tích cực là rất to lớn song sự phát triển nhanh của nền kinh tế xã hội cũng kéo theo những tác động xấu. Một trong những tác động xấu đó là sự băng hoại đạo đức, biến đổi những thang giá trị văn hoá truyền thống chuẩn mực; trong phạm vi gia đình, dòng họ là băng hoại các nề nếp, gia phong.

Gia đình là tế bào của xã hội, các giá trị văn hoá của xã hội cũng được xây dựng ngay từ trong cái nôi đầu tiên của mỗi con người. Sự tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế đến các giá trị đạo đức xã hội cũng tác động mạnh mẽ nhất đến thành tố gia đình. Có thể nói không ở đâu chúng ta có thể thấy rõ nhất những nét đẹp văn hoá cũng như sự xuống cấp của văn hoá hơn là không gian văn hoá gia đình, rộng hơn là văn hoá dòng họ. Đã có không ít những trang sách, bài báo, chương trình truyền hình đề cập đề thực trạng văn hoá gia đình hiện nay. Yêu cầu phát triển nhanh nền kinh tế nhưng vẫn phải giữ gìn các giá trị văn hoá xã hội truyền thống đang là thách thức lớn không chỉ đối với các nhà lãnh đạo đất nước mà còn đối với mỗi cá nhân người Việt Nam.

Con người lớn lên từ gia đình và sống gắn liền với gia đình, chính vì thế không có cách giáo dục nhân cách con người nào tốt hơn trường học gia đình. Xây dựng nề nếp gia đình hay mở rộng hơn là xây dựng gia phong của cả dòng họ cũng chính là để tạo dựng những cái nôi để nuôi dưỡng nhân cách mỗi con người.

Trong quá trình tìm hiểu về dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn (Hà Tĩnh), chúng tôi đã có dịp tiếp xúc với một dòng họ có truyền thống văn hoá tốt đẹp được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Trải qua gần 500 năm kể từ khi ông tổ của dòng họ đến định cư ở huyện Hương Sơn, các thế hệ của dòng họ Đinh Nho luôn luôn có ý thức xây dựng và vun đắp truyền thống văn hoá của dòng họ.

Nét gia phong của dòng họ đã thấm sâu thành máu thịt và cũng trở thành nền tảng nhân cách của mỗi người con dòng họ Đinh Nho.

Gia phong của một dòng họ là sự bồi đắp của nhiều thế hệ. Ở mỗi thời kỳ lịch sử nó đều có sự biến đổi cho phù hợp với thời đại với nguyên tắc giữ gìn nét văn hoá của dòng họ nhưng vẫn luôn tiếp nhận những giá trị văn hoá mới để làm phong phú thêm nét đẹp văn hoá của dòng họ.

Ông Đinh Nho Công - đời thứ 7, là người khai khoa của dòng họ. Ông đậu Tiến sĩ năm Canh Tuất (1670). Trong cuộc sống cũng như trên vị trí là mệnh quan triều đình, ông luôn tự mình nêu gương cho con cháu noi theo. Gia phả của dòng họ Đinh Nho còn ghi lại những câu chuyện nói về tấm gương nhân cách và đức hạnh cao quý của ông.

Chuyện là, khi lên kinh theo đuổi nghiệp đèn sách, ông Đinh Nho Công đã kết bạn tâm giao với một viên giám sinh họ Trần người Ái Châu và sớm hôm cùng dùi mài kinh sử.

Tháng 3 năm Kỷ Dậu (1969), Đinh Nho Công từ biệt Trần công về quê ứng thí. Đến ngày khảo hạch, trên đường qua núi Eo Trèo (địa phận làng Văn Giang, thuộc xã Sơn Thịnh ngày nay) bỗng thấy Trần công đến cầm tay mà nói: *"mừng ông sang năm đậu Tiến sĩ, xin đừng quên cố nhân, lập cho tôi một cái am hương hoả vạn đại, tôi sẽ vì ông mà giúp đỡ chốn trường ốc"*. Đinh Nho Công tâm sự *"Tôi đâu dám quên ơn cố nhân, nhưng khi thành đạt, làm sao gặp lại được ngài để được hàn huyên, chỉ bảo"*. Trần công nói: *"Phận tôi duyên mỏng, chỉ như những áng mây bạc ngàn bay. Ngài lập am cho tôi chỗ có áng mây bạc này đóng là tôi đã mãn nguyện lắm rồi"*, nói xong liền biến mất. Về sau mới biết Trần công trên đường về quê ứng thí đã mắc trọng bệnh mà qua đời.

Khi khảo hạch về, theo lời dặn ông Đinh Nho Công thắp hương khấn Trần công, bỗng nhiên trên bầu trời có một áng mây bạc bay đến và đứng yên

một chỗ. Ông liền dựng một cái am thờ Trần công ở đó. Đó chính là đền Thịnh Xá(nay là xã Sơn Thịnh).

Tương truyền đền Thịnh Xá rất thiêng, trong vùng đã truyền tụng ai đi qua cổng đền mà không cất mũ nón thì về nhà thế nào cũng ốm, phải lên đền lễ tạ mới khỏi. Con cháu trong làng hàng năm đến khoa thi, đến đền cầu nguyện thường được linh ứng.

Đến triều Cảnh Hưng nhà Lê, Trần công được phong là Đại vương, nhân dân xây dựng đền thờ lớn để quanh năm thờ phụng. Trong đền hiện còn lưu bài thờ do ông Đinh Nho Hoàn cảm ơn nghĩa của Trần công mà đề tặng:

Thần bút hà niên hoàng bảng trợ
Linh từ chung cổ Bạch vân lưu
Thanh Hoá khoa danh tiêu thần kế
Bạch vân do thị mộng trung sinh.

Đền Thịnh Xá hay còn gọi là đền Bạch Vân (nay là xã Sơn Thịnh) là một công trình kiến trúc có giá trị văn hoá to lớn. Năm 2008, đền Bạch Vân đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá.

Hiện nay, hàng năm con cháu dòng họ Đinh Nho vẫn đến thắp hương là cúng ở đền Bạch Vân, thể hiện lòng tôn kính cũng như tiếp tục giữ gìn và bồi đắp tình bằng hữu đậm đà, khăng khít của ông Đinh Nho Công và Trần công.

Một câu chuyện khác kể rằng, khi đã làm quan trong triều đình, trong một lần đi chánh sứ bản hạt ở Châu Hoan, ông Đinh Nho Công đã xem xét các án tù và giải oan cho một viên Thủ bộ họ Phan. Viên Thủ bộ tạ ơn cứu sinh đã đem tiền bạc để tạ ơn nhưng ông không nhận. Sau này, khi giữ chức Thiêm đô Ngự sử đã cho viên Thủ bộ theo hầu. Cảm kích trước tấm lòng nhân hậu và nhân cách cao quý của ông Đinh Nho Công, viên Thủ bộ trước lúc lâm chung đã cầm tay con gái mà rằng *"Ta đội ơn quan Thiêm đô họ Đinh*

xét ngục giải oan, như là được sống lại, ơn ấy bể rộng trời cao chưa biết khi nào trả được, nghĩ con là thân gái, hãy giúp ta nên được việc gì". Về sau, người con gái ấy đã trở thành Á thất của Tả Thị lang Đinh Nho Hoàn - con trai Tiến sĩ Đinh Nho Công [3;20].

Gia phả của dòng họ Tống Trần (xã Sơn Hoà) còn ghi lại một câu chuyện cảm động đó là trong thời gian làm quan ở Hoan Châu, ông Đinh Nho Công đã ra tay cưu mang vợ và con của một vị tướng công họ Tống. Người con của vị tướng họ Tống được đưa về Hương Sơn và là ông tổ của di huệ họ Tống Trần ở xã Sơn Hoà.

Gia phả họ Tống Trần ở xã Sơn Hoà có ghi:

"*Theo quê mẹ về nơi Gôi Mỹ*

Làm con nuôi Đinh thị Đại vương" [3;7]

Những câu chuyện với nội dung khác nhau song đều nói lên sự ghi nhận đức hạnh và nhân cách của ông Đinh Nho Công, con người đã trở thành tấm gương sáng về lòng nhân ái, về tình bằng hữu son sắt thuỷ chung. Một cá nhân không thể làm nên gia phong song nhân cách của người đứng đầu dòng họ sẽ có ảnh hưởng lớn và là tấm gương cho lớp lớp con cháu noi theo.

Có thể nói nét văn hoá tốt đẹp nhất mà các thế hệ dòng họ Đinh Nho đã xây dựng nên được đó là truyền thống nhân hậu, sống trọng tình, vị tình. Nét văn hoá này đã trở thành chất keo gắn kết mọi người trong dòng họ và gắn kết dòng họ với quê hương.

Cả dòng họ vẫn còn nhớ câu chuyện về câu chuyện về đám cưới của ông Đinh Nho Quỳ - Đời thứ 18 và là Tộc trưởng Đại tôn của dòng họ Đinh Nho hiện nay. Năm 1971, ông Đinh Nho Quỳ chuẩn bị đám cưới của mình trong điều kiện hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Còn một ngày nữa là đến ngày cưới thì cả nhà bị mất trộm, toàn bộ nhưng thứ chuẩn bị cho lễ cưới bị lấy mất hết. Ngay lập tức, Hội đồng gia tộc của dòng họ Đinh Nho đã họp

bàn cách giải quyết. Mọi người đã tiến hành đóng góp vật chất và chung tay chuẩn bị đám cưới cho ông Quỳ. Chỉ trong một ngày, mọi sự chuẩn bị đã hoàn tất. Câu chuyện là một kỷ niệm đẹp về tình cảm chia ngọt sẻ bùi và sự cố kết của dòng họ Đinh Nho.

Cho đến nay, truyền thống sống trọng tình cảm vẫn được các bậc cha mẹ, ông bà của dòng họ răn dạy con cháu. Và mỗi người con dòng họ Đinh Nho vẫn luôn yêu thương, đùm bọc lẫn nhau và một lòng hướng về quê hương, hướng về nguồn cội.

Ông Đinh Nho Hoàn - con trai của ông Đinh Nho Công, đậu Đệ nhị Tiến sĩ năm 1700. Ông là một vị quan thanh liêm, chính trực. Trong thời gian làm Đốc trấn Cao Bằng, ông đã lo về sự hưng lợi, trừ hại, giảm thuế má cho bọn quan khách nhà Thanh ở các tỉnh Giang Tây, Giang Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Hồ Quảng, Triều Châu nên việc buôn bán của nhân dân hai nước diễn ra tấp nập. Các thương nhân người Hoa đã ghi tạc công ơn với ông và cho khắc *"Đức chính bia"* dựng ở trước Hội quán.

Năm 1715, Đinh Nho Hoàn được cử là Phó sứ sang nhà Thanh. Đoàn sứ gồm có: Hộ bộ Tả thị lang Nguyễn Công Cơ, Thái bộc Tự khanh Lê Anh Tuấn, Thượng bảo Tự khanh Đinh Nho Hoàn và Lại khoa Cấp sự trung Nguyễn Mậu Ánh. Trước khi lên đường đi sứ Trung Hoa, ông xin về quê lo việc trị trang, dạy bảo con cháu [3;22].

Ông đã cúng cho làng 15 mẫu ruộng, 100 quan tiền và lập am thờ thần để phù hộ cho dân làng ấm no. Ngài còn lập văn bia để răn dạy con cháu, nội dung văn bia đã được dịch giả Ngô Đức Thọ - chuyên viên Viện Hán nôm dịch như sau:

"Hễ con cháu Mặc Ông thì phải
Trung hiếu, thật thà, trong sạch cần kiệm
Tiến lên làm người nghĩa sỹ, lui về làm kẻ lương nông

Chớ kiêu dâm, chớ phạm thượng, chớ tranh kiện, chớ cờ bạc
Như thế mới được gần am của ta" [3;7]

Lời răn dạy ngắn gọn, súc tích đã nói lên sự lo lắng của thế hệ đi trước đối với việc tạo lập nề nếp, gia phong cho gia đình, dòng họ. Đến nay, lời răn dạy của ông vẫn thường được các bậc cao niên làm thước đo để dạy dỗ con cháu. Tinh thần *"tiến vi nghĩa sỹ, thoái vi lương nông"* vẫn luôn được con cháu dòng họ Đinh Nho khắc ghi. Gia phả dòng họ Đinh Nho đã có những ghi chép về những người con đã học hành đỗ đạt, *"tiến vi nghĩa sỹ"* ở các thời đại, hoàn cảnh khác nhau, bên cạnh đó cũng có những ghi chép về những con người bình dị, chăm lo lao động sản xuất. Họ không thành đạt trên con đường học vấn nhưng không vì thế họ không trở thành người tốt. Dù ở vị trí xã hội nào, họ luôn giữ gìn được nề nếp gia phong và tự hào về truyền thống của dòng họ mình.

Con cháu họ Đinh Nho sống có tình cảm, cả trong lẫn ngoài làng, cả nội lẫn ngoại, cả xa lẫn gần. Tình cảm trong mỗi con người luôn đậm đà, tôn trọng và yêu thương lẫn nhau. Đã là người họ Đinh Nho thì bất kể xa gần mỗi khi có việc vui, việc buồn đều cùng nhau chia sẻ, khi gặp nhau thì tay bắt mặt mừng, trao đổi chuyện trò, xưng hô lễ phép. Có thể nói rằng chính nề nếp gia đình đã trở thành sợi dây tinh thần bền vững gắn kết mỗi cá nhân trong dòng họ.

Một trong những nét đặc sắc trong nề nếp, gia phong của dòng họ Đinh Nho đó là truyền thống trọng học và khổ học. Chính điều này đã tạo dựng nên truyền thống và thành tích khoa bảng cho dòng họ.

2.2. Truyền thống khoa bảng:

Theo một nghiên cứu về khoa cử nho học ở huyện Hương Sơn, việc thi cử để tuyển dụng nhân tài ở Nghệ Tĩnh đã có từ đời Trần, tuy nhiên mãi đến

cuối đời Trần, Đoàn Xuân Lôi, quê ở xã Yên Hồ (huyện Đức Thọ) mới đậu Thái học sinh khoa Giáp Tý (1348) đời Trần Phế Đế [19;21].

Sang thế kỷ XV số khoa bảng tăng thêm nhiều, có mặt hầu khắp các huyện và phát triển hơn ở các thế kỷ sau. Trong số các huyện đó thì Hương Sơn có tốc độ phát triển về giáo dục khoa cử Nho học một cách đều đặn để rồi sang thế kỷ XIX, XX có sự phát triển mạnh mẽ vượt lên đứng hàng thứ hai sau huyện Đức Thọ. Với số lượng lớn các bậc đại khoa vinh hiển, Hương Sơn trở thành một huyện nổi tiếng của tỉnh Hà Tĩnh nói riêng và cả nước nói chung về truyền thống khoa bảng [19;21].

Cùng hoà chung trong sự phát triển của giáo dục khoa cử huyện Hương Sơn, làng Gôi Mỹ lại nổi tiếng vì truyền thống trọng học, khổ học. Làng Gôi Mỹ trước có tên là Gôi Vỹ, thuộc tổng Yên Ấp nay là xã Sơn Hoà, huyện Hương Sơn, nằm ở tả ngạn sông Ngàn Phố.

Nói đến làng Gôi Mỹ nhất là nói đến truyền thống học hành, khoa bảng thì không thể không nói tới dòng họ Đinh Nho. Đây là dòng họ có truyền thống trọng học, khổ học và đời nào cũng có người đỗ đạt [16;110].

Người khai khoa cho dòng họ là ông Đinh Nho Công - đời thứ 7, thuở nhỏ rất thông minh và ham học. Năm 14 tuổi ông đã đậu Tứ trường nhưng do gia cảnh khó khăn nên ông phải nghỉ học để làm ruộng kiếm sống. Mặc dù vất vả mưu sinh nhưng ông vẫn luôn canh cánh sự học nên khi có điều kiện ông lại tiếp tục học hành. Ông đi thi Hương đỗ Giải Nguyên, 34 tuổi ông đỗ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Trị (1670). Ông từng được giao các chức vụ: Giám sát Ngự sử Lễ khoa, Công khoa cấp sự trung, Đốc thị bản hạt chánh sứ, Ngự sử đài Thiêm đô.

Ông Đinh Nho Hoàn (1671 - 1715), hiệu Mặc Trai, là con trai của Tiến sĩ Đinh Nho Công. Năm 30 tuổi đỗ Đệ nhị Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700), làm quan đến chức Tả Thị lang. Ông là người liêm chính, sống thanh bạch và

khiêm nhường nên được Vua trọng dụng, từng cử làm phó sứ sang tuế cống nhà Thanh. Đinh Nho Hoàn cũng là người luôn lo lắng dạy bảo con cháu việc học tập, tu dưỡng. Ông được xem là người định hướng cho sự phấn đấu của các thế hệ con cháu với tư tưởng *"tiến vi nghĩa sỹ, thoái vi lương nông"*.

Ông Đinh Nho Côn là em trai của ông Đinh Nho Hoàn. Ông đậu Giải Nguyên nhưng không rõ khoa nào, từng làm Đốc lĩnh Nghệ An sau thăng Tổng binh đồng tri, tước Hương nghĩa hầu.

Ông Đinh Nho Điển (1848 - ?) thuộc Chi Thứ dòng họ Đinh Nho, đậu cử nhân khoa Mậu Thìn (1868), 28 tuổi ông đỗ Tam giáp đồng Tiến sĩ (1875). Ông được bổ làm Tri phủ Nghĩa Hưng, sau xin về bản quán. Với tài học của mình, ông được tin tưởng tham dự việc khảo duyệt bộ Khâm định Việt sử. Em trai ông Đinh Nho Điển là ông Đinh Nho Quang cũng đậu cử nhân, được bổ làm Tuần phủ Hà Tĩnh, sau làm Tả Thị lang bộ Hình (Triều Nguyễn).

Đinh Nhật Thận (1815 - 1866) - đời thứ 11, là chắt nội Hương Cống Đinh Nho Côn. Đinh Nhật Thận đậu Tam giáp Tiến sĩ khoa Mậu Tuất đời Minh Mệnh (1838). Về sau ông bị liên đới với Cao Bá Quát nên cũng bị cách chức và giam cầm. Ông vừa là một vị tướng vừa là một nhà thơ nổi tiếng.

Trong khuôn khổ công trình nghiên cứu chung về dòng họ Đinh Nho rất khó có thể có sự khảo cứu cụ thể về các vị đại khoa của dòng họ. Chỉ xin có một số thống kê, qua đó có thể thấy được số lượng cũng như sự phát triển có tính liên tục của truyền thống khoa bảng của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn.

Trước 1945:

Tiến sĩ: Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn, Đinh Nho Điển, Đinh Nhật Thận.

Giải nguyên: Đinh Nho Côn

Cử nhân: Đinh Thái Lãng, Đinh Duy Hàn, Đinh Nho Châu, Đinh Nho Kiểm, Đinh Nho Quang, Đinh Nho Khôn.

Tú tài: Đinh Nho Chấn, Đinh Nho Hoán, Đinh Nho Xanh, Đinh Nho Đoan, Dinh Nho Bát, Đinh Nho Hàng, Đinh Nho Kham. [3;172]

Sau 1945: Theo thống kê của dòng họ trong Gia phả dòng họ Đinh Nho thì tính đến năm 2002, dòng họ đã có:

Giáo sư: Đinh Xuân Lâm, Đinh Quang Báo

Tiến sĩ khoa học: Đinh Nho Hào, Đinh Phạm Thái, Đinh Nho Dũng

Tiến sĩ: Đinh Nho Chương, Đinh Thị Khương, Đinh Thị Oanh, Đinh Nho Hồng, Đinh Nho Thanh, Đinh Như Hà Bình, Đinh Thị Ngọc Bích, Đinh Thị Phương Hoà, Đinh Quốc Việt, Đinh Nho Hải, Đinh Thị Xuyến, Đinh Bích Thu, Đinh Chiến Quốc.

Thạc sĩ: Đinh Nho Bảng, Đinh Nho Duyệt, Đinh Thị Phương Hoa, Đinh Nho Hùng, Đinh Nho Sinh, Đinh Nho Thái, Đinh Chí Tài, Đinh Nho Hoan, Đinh Thị Tâm [3;172].

Ngoài ra, dòng họ còn có hơn 90 người có học vị cử nhân, nhiều người là kỹ sư, bác sĩ và dược sĩ có uy tín trên lĩnh vực công tác của mình.

Kế thừa truyền thống của tổ tiên, nhất là lời huấn thị của ông Đinh Nho Hoàn *"tiến vi nghĩa sỹ, thoái vi lương nông",* các con cháu của dòng họ Đinh Nho luôn có ý thức học tập tu dưỡng, vun đắp cho truyền thống khoa bảng của dòng họ. Có thể nói rằng dòng họ Đinh Nho kể từ đời thứ 6, đời nào cũng có người đỗ đạt, thành tài. Dù trong hoàn cảnh nào vẫn luôn thể hiện ý chí trọng học và khổ học.

Hương Sơn là một huyện miền trung du của tỉnh Hà Tĩnh, do có sự trở ngại về tự nhiên nên giáo dục khoa cử ở vùng đất này có sự phát triển muộn hơn các địa phương khác. Tuy nhiên, lịch sử khoa cử Việt Nam đã có sự ghi

nhận thành tựu về giáo dục khoa cử của huyện Hương Sơn trong đó có sự đóng góp của những người con dòng họ Đinh Nho.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và góp phần giữ gìn phát huy truyền thống khoa bảng của dòng họ, Ban Tộc biểu dòng họ Đinh Nho đã có sáng kiến lập quỹ họ để khen thưởng, vinh danh con cháu học hành đỗ đạt. Sự quan tâm của các thế hệ đi trước đã tạo nên một không khí học tập cho con cháu dòng họ và việc học đã gắn bó máu thịt với sự phát triển của dòng họ Đinh Nho.

2.3. Nhà thờ, Lăng mộ, Đền thờ, Bia ký và Lễ hội truyền thống của dòng họ Đinh Nho.

Các di tích lịch sử là di sản văn hoá vật thể vô cùng quý giá của các dòng họ nói riêng và của dân tộc nói chung. Đó là những bảo tàng chân thực và sinh động nhất về những sự kiện, nhân vật, những phong tục tập quán, nghi lễ, kiến trúc. Các di tích lịch sử dòng họ là các chứng tích lưu giữ lại với thời gian và là tài sản vô giá mà các thế hệ đi trước truyền lại cho thế hệ sau.

2.3.1. Nhà thờ

Thuở ban đầu, nguyên tổ của dòng họ Đinh Nho là ông Đinh Phúc Diên lập cư tại làng Bình Hoà (nay là xóm 3, xã Sơn Hoà), từ đời Thiêm đô Ngự sử Đinh Nho Công trở về sau thì con cháu xuống lập nghiệp ở làng Gôi Mỹ, xóm Đồng Vực (nay là xóm 9, xã Sơn Hoà) và lập nhà thờ để thờ phụng tổ tiên ở đây. Hiện nay chưa tìm thấy một cứ liệu lịch sử nào để xác định chính xác năm lập nhà thờ. Tuy nhiên, dựa vào tư liệu nói về việc ông Đinh Nho Hoàn lập am Mặc Trai cạnh nhà thờ thì có thể xác định một cách tương đối về thời điểm lập nhà thờ là vào thời ông Đinh Nho Công.

Sau khi ông Đinh Nho Hoàn mất trên đường đi sứ Trung Hoa, Bà á thất Phan Thị Viên đã tuẫn tiết theo chồng. Vua Lê Dụ Tông đã ban bảng vàng *"Tiết phụ môn",* cấp ruộng và cho lập đề thờ bà là đền Gôi Mỹ vào năm 1717.

Nhà thờ dòng họ Đinh Nho cũng được trùng tu lần thứ nhất vào giai đoạn này.

Theo những tài liệu còn lưu lại được của dòng họ thì nhà thờ họ đã được trùng tu bởi những người thợ ở Trung Cần (nay là xã Nam Trung, huyện Nam Đàn) và được tiến hành cùng lúc với việc xây dựng đền Gôi Mỹ.

Về mặt hoạ tiết và hoa văn trang trí, nhà thờ dòng họ Đinh Nho và đền Gôi Mỹ có nhiều điểm tương đồng. Nhà thờ họ được kiến trúc gồm có 3 điện thờ.

Nhà Thượng điện là ba gian nhà gỗ lim và mít, mái lợp ngói vảy âm dương. Đây là gian thờ chính của nhà thờ và được trang trí các hoạ tiết tinh xảo.

Nhà Trung điện được xây theo kiểu nhà một mái. Mặt tiền nhà Trung điện có hai câu đối:

"Gia hiếu tử, Quốc trung thần, sự nghiệp huân du bính bính tam bách niên thiên hạ

Sinh vinh danh, Tử hiện hiện, tinh thần mạnh mạch thằng thằng ức vạn thế vận nhưng"

Nhà hạ điện hay còn gọi là nhà Bái đường cũng được dựng bằng gỗ mít, mái lợp âm dương. Đây là gian nhà dùng để con cháu tập trung trước khi tiến hành tế lễ.

Phía tả của nhà thờ họ là nhà thờ của Đại Vương tử Đinh Nho Hoàn (thường gọi là nhà thờ hầu tả) cũng có thượng điện và bái đường.

Toàn bộ nhà thờ toạ trên khuôn viên rộng khoảng 1200m^2. Phía trước nhà thờ có cổng lớn.

Dương cơ của dòng họ Đinh Nho vốn dĩ là của quan Đô đài Ngự sử Nguyễn Văn Trọng - đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502). Con cháu của quan Đô đài Ngự sử khinh khi đất đai nên đã bỏ hoang huỷ. Theo lời khuyên của

Ngô Tiên sinh, ông Đinh Hữu Luân - đời thứ sáu, đã đem gia quyến đến lập dương cơ ở đó.

Bàn về vị trí này của dương cơ họ Đinh Nho, học giả Vương Dư Dụ (quê ở xã Nam Kim, huyện Nam Đàn) đã viết trong sách *"Địa lý"* như sau: *"Dương cơ của dòng họ Đinh Nho ở thôn Gôi Vỹ, xã An Ấp (tức xã Sơn Hoà) huyện Hương Sơn từ các Tiến sĩ Lê triều như Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn đến triều Nguyễn như Đinh Nho Điển, Đinh Nho Quang là thuộc thế bàn long tả cục"*.

Trải qua thời gian, nhà thờ dòng họ Đinh Nho đã nhiều lần được trùng tu, tôn tạo nhưng vẫn giữ lại được nét kiến trúc cũ. Năm 1970, Hội đồng gia tộc tiến hành họp để củng cố việc họ đã quyết định cho ông Đinh Nho Quỳ - đời thứ 18 (tộc trưởng của họ) nhà Hạ điện để làm nhà ở. Hiện nay, nhà thờ chỉ còn lại Thượng điện và Trung điện. Họ Đinh Nho đã nối rộng nhà Thượng điện thêm 3 mét, cải tạo nhà Trung điện và làm thêm một khu trung gian giữa Thượng điện và Trung điện để tạo bệ thờ cúng rộng rãi, đảm bảo sự hài hoà của kiến trúc. Trong gian Thượng điện, các đồ tế khí đã mất mát hư hỏng nhiều nên đã được thay mới, hiện chỉ còn lưu giữ được bức Đại tự *"Thế đức từ"*, khám thờ *"Đại vương phụ"* và một số bài vị, linh vị của các vị phúc thần (chuyển từ đền Gôi Mỹ về).

Hiện nay, khuôn viên nhà thờ đã thu nhỏ hơn so với ngày trước tuy nhiên vẫn giữ được nét kiến trúc tao nhã, thâm nghiêm. Cổng chính được kiến trúc rộng và cao, sân được lát gạch đỏ. Ngay giữa sân là hòn non bộ được thiết kế công phu tạo nên một điểm nhấn cho kiến trúc nhà thờ.

Trước năm 1947, dòng họ Đinh Nho có hai nhà thờ của Chi Trưởng và Chi Thứ. Tuy nhiên, đến năm 1947, theo sự thống nhất của Hội đồng gia tộc và chủ trương chung của địa phương, hai nhà thờ đã hợp tự về nhà thờ Đại tôn tại xã Sơn Hoà ngày nay. Do đó, hiện nay sự sắp xếp trong nhà thờ cũng

có quy tắc riêng. Trong nhà Thượng điện, bàn thờ chính giữa là nơi thờ của các vị nguyên tổ từ đời thứ nhất đến đời thứ 7, bàn thờ phía tả hữu của Thượng điện là nơi thờ của hai chi Trưởng và Thứ của dòng họ.

Nhà thờ họ Đinh Nho không quá lớn, gia đình ông tộc trưởng Đinh Nho Quỳ lại nằm trong khuôn viên nhà thờ nên luôn có sự ấm cúng, gần gũi khác với sự tĩnh lặng, âm u thường thấy ở những nơi thờ tự.

2.3.2. Lăng mộ:

Lăng mộ tổ tiên là một trong những di sản văn hoá vật thể vô giá của cá dòng họ. Không có một dòng họ nào không quan tâm đến vấn đề chọn địa điểm và xây dựng, tu bổ lăng mộ. Lăng mộ tổ tiên cũng là nơi thể hiện phong tục tập quán, nghệ thuật kiến trúc…

Câu chuyện kể việc tìm nơi đặt mộ phần của dòng họ Đinh Nho là một câu chuyện ly kỳ, thấm đẫm màu sắc tâm linh và đã được ghi lại trong gia phả. Ông Đinh Hữu Luân khi đang làm Huyện tá Đông ngạn (thuộc tỉnh Thanh Hoá) đã có công cứu một thuyền buôn của người Trung Quốc bị bão đánh dạt vào bờ. Đoàn thương nhân sau khi được ông giúp đỡ tiền bạc để về nước đã quay lại xin trả ơn bằng cách đưa một vị tiên sinh sang để phát phúc cho dòng họ. Được sự giúp đỡ của Ngô Tiên sinh, ông Đinh Hữu Luân đã hợp táng song thân ở một âm phần trên núi Trai Sơn (nay thuộc xã Sơn Tiến). Đây là âm phần được xem là địa cát *"Kế thế đăng khoa, đại đại bất tuyệt"*.

Trong thời gian Ngô Tiên sinh lưu lại đã truyền dạy các phép phong thuỷ cho ông Đinh Hữu Luân. Những mộ phần ở Ngọc Sơn (xã Sơn Long), Phúc Đậu (xã Sơn Phúc) đều do ông Hữu Luân chọn.

Ngoài ngôi mộ tổ ở núi Trai Sơn, Ngô Tiên sinh còn chọn cho dòng họ một âm phần ở xã Sơn Bằng mà nhân dân ở đây gọi là Lòi Chim Chim. Con cháu dòng họ Đinh Nho đã đưa mộ tổ đời thứ hai là ông Đinh Phúc Trường về táng tại đây. Có một điều đặc biệt đó là dòng họ Nguyễn ở xã Sơn Bằng

cũng táng Nhị thế tổ họ Nguyễn tại khu vực này. Theo thời gian, hai ngôi mộ này đã hợp lại thành một nấm mộ lớn không phân biệt được mộ tổ của dòng họ nào. Hiện nay, con cháu của dòng họ Đinh Nho và dòng họ Nguyễn ở Sơn Bằng đều cùng nhau thờ cúng và bảo vệ khu mộ này. Năm 1994, con cháu hai họ đã cùng nhau xây lăng chung để thờ phụng. Bên ngoài lăng có đề đôi câu đối:

"Điểu linh chung linh địa

Ngân thủy tạo hoá thiên"

Quả thực, văn hoá tâm linh có nhiều điều mà khoa học chưa giải thích hết được. Quá trình tìm và đặt huyệt mộ tổ tiên của dòng họ Đinh Nho có nhiều điều khó lý giải, tuy nhiên đối với mỗi người con dòng họ Đinh Nho thì mộ tổ luôn là nơi tâm hồn họ luôn hướng về, ngưỡng vọng và thành kính.

Sự linh thiêng của khu mộ tổ đã tạo nên sức mạnh tinh thần cho con cháu dòng họ Đinh Nho tiếp tục phát triển. Từ sau khi Ngô Tiên sinh tìm giúp âm phần ở núi Trai Sơn, dòng họ Đinh Nho đã có những sự chuyển biến đáng kinh ngạc. Từ đời thứ nhất đến đời thứ bảy là ông Đinh Nho Công thì đều độc đinh và không có người học hành đỗ đạt. Ông Đinh Nho Công đậu Tiến sĩ năm Canh Tuất (1670) và là người khai khoa cho dòng họ. Từ đời thứ tám, dòng họ Đinh Nho hết độc đinh và đời nào cũng có người học hành đỗ đạt.

Nói đến lăng mộ dòng họ Đinh Nho không thể không nói đến sự kiện dòng họ Đinh Nho bảo vệ khu mộ tổ năm 1947. Thời gian đó, có một người ngoại tộc đã được một thầy địa lý khuyên rằng muốn dòng họ phát phú, phát quý, con cháu học hành đỗ đạt thì phải cải táng cha mẹ đặt chung cùng mộ tổ của dòng họ Đinh Nho ở núi Trai Sơn (thuộc xã Sơn Tiến). Nhận được thông tin đó, Hội đồng gia tộc Đinh Nho đã họp khẩn cấp bàn phương án giải quyết. Một mặt, Hội đồng gia tộc đã viết tờ trình lên Uỷ ban Kháng chiến hành chính xã Sơn Tiến nhờ can thiệp, mặt khác họ tập trung một đội thanh niên lên núi

để bảo vệ phần mộ. Nhờ sự can thiệp của Chính quyền địa phương và sự quyết tâm của con cháu nên mộ tổ vẫn được bảo bệ toàn vẹn [3;14].

Hiện nay, dòng họ Đinh Nho đã tiến hành quy tụ mộ tổ vào 4 nơi là: Áng Phần (xã Sơn Hoà), Lòi Chim Chim (xã Sơn Bằng), Rú Trai (xã Sơn Tiến) và Phúc Đậu (xã Sơn Phúc). Năm 1993, Ban Tộc biểu đã động viên con cháu đóng góp để xây dựng các khuôn viên của 4 khu mộ trên.

Năm 1993: Xây mộ tổ ở Áng Phần (xã Sơn Hoà). Đôi câu đối ở cổng:

"Tiến vi nghĩa sỹ

Thoái vi lương nông"

Đây là nơi yên nghỉ của các vị sơ tổ: mộ Đại Vương tử Đinh Nho Hoàn, mộ Đốc lĩnh binh Hương Nghĩa hầu Đinh Nho Côn, Già tiên nhân Đinh Nho Trạch, ông Đinh Thái Lãng, ông Đinh Nho Thận và các bà vợ của các vị.

Năm 1994: Cùng với họ Nguyễn ở xã Sơn Bằng xây mộ tổ ở Lòi Chim Chim. Đây là mộ tổ đời thứ hai Đinh Phúc Trường.

Cũng trong năm 1994, Họ tiến hành xây mộ tổ ở Rú Trai (thuộc xã Sơn Tiến). Đây là mộ của ông Đinh Phúc Khánh (đời thứ năm). Đây là cát địa do Ngô Tiên sinh điểm huyệt, đôi câu đối ở cổng có ghi:

"Khởi thuỷ do linh địa

Khai nguyên kế thế khoa"

Năm 1996: Xây mộ tổ ở Phúc Đậu (thuộc xã Sơn Phúc), đây là phần mộ của Đại Vương phụ Đinh Nho Công và thân sinh của ông là ông Đinh Hữu Luân và bà Lê Thị Độ. Câu đối ở cổng lăng mộ:

"Vạn thế minh tinh chiếu

Thiên thu linh mạch tồn"

Khi chúng tôi đang tiến hàng công trình nghiên cứu này, các khu lăng mộ của dòng họ Đinh Nho vừa mới được tu sửa lại để chuẩn bị đón con cháu về tảo mộ nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Sửu. Nghiên cứu quá trình tìm địa

điểm và xây dựng mộ tổ của dòng họ Đinh Nho chúng ta có thể thấy được tấm lòng tôn kính của các thế hệ con cháu đối với tổ tiên.

2.3.3. Đền thờ, bia ký và lễ hội của dòng họ Đinh Nho.

Nhà thờ họ là nơi thờ phụng tổ tiên của một dòng họ, thường là do con cháu trong họ đóng góp xây dựng. Có thể quy mô to nhỏ, kết cấu kiến trúc mỗi vùng miền có khác nhau song dòng họ nào cũng có nhà thờ.

Khác với nhà thờ, đền thờ lại là nơi nhân dân địa phương lập nên để thờ những anh hùng dân tộc, nhưng tổ sư của làng nghề và những người được phong thần, chính vì thế không phải địa phương nào cũng có đền thờ.

Đền Gôi Mỹ thuộc làng Gôi Mỹ (xã Sơn Hoà) là ngôi đền được xây dựng từ năm 1717 đời vua Lê Dụ Tông. Đền Gôi còn được gọi là "*Đền Bà Tiết*" thờ bà Phan Thị Viên - á thất của Đại Vương tử Đinh Nho Hoàn.

Bà Phan Thị Viên vốn là con gái của một viên Thủ bộ quê ở xã Do Lễ huyện Hưng Nguyên. Trong một lần xét ngục, ông Đinh Nho Công đã giải oan và tha tù cho viên Thủ bộ. Cảm kích trước tấm lòng và đức hạnh của ông Đinh Nho Công, gia đình viên Thủ bộ đã cho con gái mình lấy lẽ ông Đinh Nho Hoàn - con trai của ông Đinh Nho Công. Bà là người giỏi thi phú, không chỉ là người vợ hiền mà còn là người bạn tâm giao của ông Đinh Nho Hoàn.

Năm Ất Mùi (1715), ông Đinh Nho Hoàn được cử làm Phó sứ sang nhà Thanh. Trên đường quay trở về sau chuyến đi sứ, ông Đinh Nho Hoàn đã lâm trọng bệnh mà mất. Nhận được tin dữ nhưng bà Phan Thị Viên vẫn giữ thái độ bình tĩnh, lo lắng sắp đặt mọi việc trong gia đình. Nhiều người lấy làm lạ và dị nghị. Tuy nhiên, khi ông Đinh Nho Hoàn được đưa về an táng tại quê nhà thì bà Phan Thị Viên đã thắt cổ tự vẫn, tuẫn tiết theo chồng. Vua Lê xúc động trước tấm lòng của bà đối với chồng nên đã ban khen, cho khắc biển vàng *"Tiết phụ môn"* treo trước cửa nhà và cho nhân dân lập đền thờ (1717).

Đời Cảnh Hưng gia phong *"Trinh nhất Á thận phu nhân"* và phong *"Lương Tĩnh thục diệu nhã uyển dực bảo Trung hưng phúc thần"* [26;103].

Cũng đời Cảnh Hưng:

Ông Đinh Nho Công được tấn phong *"Anh nghị Đại vương"* và gia phong là *"Đoan túc dực bảo Trung hưng phúc thần"*.

Ông Đinh Nho Hoàn được tấn phong *"Đắc đạt Đại vương"* và gia phong là *"Tuấn lương lượng trực Đoan túc dực bảo Trung hưng phúc thần"*

Cả hai cha con ông Đinh Nho Công và ông Đinh Nho Hoàn đều được phong là Đại vương và được thờ tại đền Gôi Mỹ, con cháu thường gọi là *"Đại Vương phụ"* và *"Đại Vương tử"*.

Về sau, em trai ông Đinh Nho Hoàn là ông Đinh Nho Côn cũng được gia phong *"Đoan túc dực bảo Trung hưng phúc thần"* và được thờ tại đền Gôi Mỹ.

Như vậy, đền làng Gôi Mỹ là ngôi đền thờ 4 vị thần của dòng họ Đinh Nho và trong cùng một gia đình. Điều nay là một điều hiếm gặp và làm niềm tự hào của cả dòng họ Đinh Nho.

Thời phong kiến, đền làng Gôi Mỹ còn có ruộng của đền, và giao cho dân làng cày cấy. Hoa lợi thu được được dùng cho việc cúng tế. Sau Cách mạng, đền thờ vẫn được giữ gìn và do một ban trị sự trông coi.

Trải qua thời gian, thế cuộc đổi dời và qua nhiều lần tu bổ, tôn tạo nhưng đền Gôi Mỹ vẫn giữ được vẻ đẹp của một công trình kiến trúc cổ. Toạ lạc trên một khuôn viên rộng gần 700m2, đền thờ có cổng chính lớn có 3 lối đi vào. Mái cổng được xây đắp kiên cố và công phu. Sân đền rộng, được lát gạch đỏ.

Từ ngoài đi vào chúng ta bắt gặp Hạ điện, được xây dựng bằng gỗ mít và gỗ lim với kiến trúc và hoạ tiết tinh xảo. Mặc dù trải qua thời gian nhưng

những đường nét chạm trổ vẫn còn rất tươi mới, sinh động. Hạ điện chính là nơi mọi người sắm sửa lễ vật trước khi vào tế ở Thượng điện.

Phía sau Hạ điện là Tả vu và Hữu vu. Nhà Tả vu và Hữu vu là nơi để các nhạc khí và nơi thờ những người có công cúng tế cho đền mà không có con thừa tự.

Thượng điện là nơi thờ chính, được xây dựng bằng gạch đỏ, lợp mái ngói âm dương và có ba gian thờ. Ngay cửa vào Thượng điện nổi bật là hai con voi đá.

Trước năm 1947, ở xã Sơn Hoà có bốn đền thờ: đền Gôi Mỹ, đền Bình Hoà, đền Chợ Gôi và đền Đông Mỹ. Bốn đền này nằm ở các địa điểm khác nhau và có các lễ tế riêng. Tuy nhiên, từ sau năm 1947 do chiến tranh nên một số đền bị huỷ hoại mà lại chưa có điều kiện tu bổ nên chính quyền địa phương đã có chủ trương hợp tự các đền thờ vào đền Gôi Mỹ. Chính vì thế, hiện nay trong Thượng điện đền Gôi Mỹ có gian thờ của cả bốn ngôi đền trên. Tuy nhiên chỉ có bài vị của các vị thần ở đền Gôi Mỹ. Trong Thượng điện còn lưu giữ biển *"Tiết phụ môn",* đây là một hiện vật có giá trị của đền cũng như của dòng họ Đinh Nho.

Phía ngoài, bên phải Thượng điện là nơi đặt *"Khánh Mặc Trai"* của ông Đinh Nho Hoàn. Khánh là một phiến đá lớn nguyên khối dài 1,6m, rộng 1,2m, dày 0,13cm; được treo bằng xích sắt trên hai cột đá vuông cao 1,5m. Trên mặt khánh có khắc lời từ của ông Đinh Nho Hoàn và các thông tin về thời gian làm khánh. Khánh Mặc Trai đúng là một bảo vật của dòng họ Đinh Nho. Mặc dù là một phiến đá lớn và nguyên khối nhưng khi đánh, khánh phát ra nhưng âm thanh ngân vang, trong trẻo khác thường.

Ngoài *"Khánh Mặc Trai"*, trong đền Gôi Mỹ còn có bia đá ghi tiểu sử và đức hạnh của bà Phan Thị Viên. Phía sau Thượng điện còn có một cái am nhỏ được xây bằng gạch, tương truyền đó chính là nơi bà Phan Thị Viên tuẫn

tiết. Hiện nay, trên am có một cây đa lớn, toàn bộ phần thân và rễ cây đã phát triển và ôm chặt lấy am.

Nhận thấy những giá trị văn hoá to lớn của đền Gôi Mỹ, năm 2006, Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Hà Tĩnh đã lập hồ sơ và công nhận đền Gôi Mỹ là Di tích lịch sử văn hoá.

Trước năm 1947, hàng năm nhân dân làng Gôi Mỹ đều tiến hành lễ tế thần và rước thần. Lễ rước được tổ chức vào ngày 15/1 âm lịch. Lễ rước thần xuất phát từ đền Gôi Mỹ, đi đầu là lá cờ *"Tiết phụ"* do một người con gái của dòng họ Đinh Nho cầm. Người con gái này phải xinh đẹp, giỏi giang và chưa có gia đình.

Hội rước thần đền Gôi Mỹ đi theo đường đất vòng quanh làng, đến chợ Gôi thì nhập với lễ rước đền Bình Hoà, đền Đông Mỹ và vào làm lễ tế ở đền chợ Gôi. Sau đó các hội rước của các đền Bình Hoà, Đông Mỹ quay trở về, riêng hội rước đền Gôi Mỹ vẫn tiếp tục đi quanh làng rồi mới trở về đền. Cung đường rước thần đền Gôi Mỹ hiện nay bao quanh các xóm 5, 7, 9, 10 của xã Sơn Hoà.

Lễ tế ở đền Gôi Mỹ là một lễ tế lớn, có sự tham gia của nhân dân toàn xã. Chủ tế không phải là người có chức sắc trong làng mà là một người đỗ đạt cao và có nhân cách trong sáng được cả làng tôn vinh. Trước cách mạng, đền Gôi Mỹ còn có ruộng đền chia cho nhân dân sản xuất. Phần lớn hoa lợi được dùng để phục vụ lễ tế thần.

Ngoài phần *"lễ"*, hội rước thần đền Gôi Mỹ còn có phần *"hội"* với những sinh hoạt cộng đồng phong phú: trò chơi đánh đu, tổ tôm điếm, cờ người và hát phường vải.

Hội rước thần đền Gôi Mỹ là một hoạt động thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân, bên cạnh sinh hoạt văn hoá tâm linh còn là một dịp giao lưu, sinh hoạt văn hoá của nhân dân trong vùng. Lê hội đền Gôi Mỹ không

chỉ là nét đẹp văn hoá của làng Gôi Mỹ mà còn là niềm tự hào của con cháu dòng họ Đinh Nho. Từ sau năm 1947, hoạt động này không được tiến hành. Nhưng năm gần đây, đã có nhiều ý kiến về việc khôi phục Hội rước thần đền Gôi Mỹ nhưng vẫn chưa được cụ thể hoá.

Ngoài lễ hội đền Gôi Mỹ, con cháu dòng họ Đinh Nho còn có một lễ hội khác có phạm vi nội tộc đó là lễ tế tổ diễn ra vào ngày 9 tháng 1 âm lịch hàng năm. Trước năm 1947, dòng họ Đinh Nho tiến hành cúng tế theo phong tục địa phương: các ngày rằm, ngày tiết... Từ sau năm 1947, theo chủ trương chung của địa phương, các lễ cúng tế được giản lược hơn. Tuy nhiên, từ năm 1990, theo sự thống nhất của Hội đồng gia tộc, con cháu dòng họ Đinh Nho lấy ngày 9 tháng 1 âm lịch - ngày kỵ của vị sơ tổ Đinh Phúc Diên làm ngày lễ tế tổ. Hàng năm, cứ đến ngày này con cháu dòng họ Đinh Nho từ khắp mọi miền đều tụ họp về nhà thờ đại tôn. Cùng nhau dâng hương hoa lên bàn thờ gia tiên, chia sẻ, chiêm nghiệm những công việc đã làm trong một năm và bàn định những công việc của năm mới.

Lễ tế tổ ban đầu còn rất đơn sơ vì hoàn cảnh khó khăn chung của xã hội. Tuy nhiên những năm gần đây, cùng với sự phát triển đi lên của đất nước, con cháu dòng họ Đinh Nho cũng có sự phát triển về nhiều mặt và có điều kiện kinh tế hơn. Hằng năm, đến ngày giỗ tổ thì con cháu trên khắp mọi miền đất nước đều cùng nhau sum họp ở nhà thờ Đại tôn để làm lễ cúng gia tiên. Mỗi khi đến dịp này, rạp được dựng che kín hết sân trước nhà thờ mà vẫn chưa đủ chỗ cho con cháu tập trung.

Lễ giỗ tổ được diễn ra trang trọng mà ấm cúng. Sau phần cúng tế, các thế hệ con cháu vừa ăn uống, trò chuyện và bàn việc họ. Có hai hoạt động được các thế hệ con cháu chờ đợi nhất đó là được nghe các cụ cao tuổi trong họ kể những câu chuyện, những sự tích của các vị sơ tổ và lễ trao phần thưởng cho những con cháu có thành tích học tập tốt.

Dưới sự điều hành của Ban Tộc biểu, lễ tế tổ đã diễn ra đều đặn và tôn nghiêm. Lễ tế tổ cũng được thống nhất lấy làm ngày giỗ hợp kỵ của toàn họ. Ngày trước, hoa lợi thu được từ ruộng họ được dùng cho việc tế lễ, tảo mộ. Hiện nay, hàng năm con cháu dòng họ Đinh Nho đã đóng góp theo số đinh và theo hình thức tự nguyện để lập quỹ dòng họ. Quỹ đó được dùng trong việc tế lễ, tảo mộ, đối nội đối ngoại của dòng họ và dùng làm phần thưởng hàng năm cho những con cháu có thành tích học tập xuất sắc.

CHƯƠNG 3:
NHỮNG NHÂN VẬT TIÊU BIỂU CỦA DÒNG HỌ ĐINH NHO (HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH)

Lịch sử dòng họ Đinh Nho ở huyện Hương Sơn từ thế kỷ XVI đến nay đã trải qua hơn 460 năm với 20 đời. Bắt đầu từ nguyên tổ Đinh Phúc Diên từ đất Ninh Bình vào đất Hương Sơn lập nghiệp, đến nay dòng họ Đinh Nho đã phát triển trở thành một họ lớn, trải qua các thời đại đã có những đóng góp to lớn đối với lịch sử dân tộc. Nhiều nhân vật của dòng họ Đinh Nho đã được lịch sử ghi nhận, trong khuôn khổ luận văn chúng tôi chỉ xin giới thiệu một số nhân vật tiêu biểu để góp phần cụ thể hơn nét đẹp truyền thống văn hoá của dòng họ Đinh Nho.

3.1. Đinh Nho Công

Ông Đinh Nho Công là con của ông Đinh Hữu Luân. Ông là đời thứ bảy của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn.

Đinh Nho Công sinh ngày 9 tháng 1 năm Đinh Sửu (1637), niên hiệu Dương Hoà thứ 3 đời vua Lê Thần Tông, tên huý là Trung, tên chữ là Nho Công.

Được sự giáo dục và định hướng của thân phụ là Huyện tá Đông Ngạn Đinh Hữu Luân, thuở nhỏ Đinh Nho Công chăm lo đèn sách. Nổi tiếng vì thông minh và chăm học, ông trở thành tấm gương sáng cho bạn bè cùng trang lứa. Năm 14 tuổi ông đã đậu Tứ trường tuy nhiên sau đó do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông phải bỏ học ở nhà đi cày. Cày bừa cấy hái việc gì cũng giỏi nhưng ông vẫn luôn khát khao học tập, theo nghiệp đèn sách.

Trong một lần đi cày ở xứ Thác Lác, ông bỗng thấy một bà già vái chào mà rằng: *"Ngài sứ công làm gì việc ấy, mau mau trở về học hành sẽ hơn trăm ngàn sự cày cấy đó"*, nói rồi bà lão biến mất. Ngài lấy làm lạ, về cáo cùng thân phụ xin trở lại theo thầy tới kinh học tập [3;182].

Năm 1669, Đinh Nho Công đi thi Hương và đỗ Giải Nguyên, vào thi Hội ông đỗ Tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Tuất (1670) niên hiệu Cảnh Trị thứ 8 vua Lê Huyền Tông.

Sau khi đậu Tiến sĩ, ông lần lượt giữ nhiều trọng trách trong triều đình: Giám sát Ngự sử lễ khoa, Công khoa cấp sự trung, Đốc thị bản hạt chánh sứ.

Ông làm quan liêm khiết, tính tình cương trực, hay bài bác bọn tham ô, cất nhắc người trung chính nên được vua khen ngợi, ban tặng 4 chữ *"Ngôn ngữ phong lăng"*, sau thăng đến chức Ngự sử Đài thiêm đô (1692).

Đinh Nho Công thụ chức Ngự sử Đài Thiêm đô được 4 năm thì mất, thọ 59 tuổi.

Đến đời Cảnh Hưng, Đinh Nho Công được tấn phong *"Anh nghị Đại vương"*, bản triều gia phong *"Đoan túc dực bảo Trung hưng Phúc thần"* thờ ở Đền làng Gôi Mỹ (xã Sơn Hoà).

Ông Đinh Nho Công là người khai khoa, đặt nền móng cho sự học và truyền thống khoa bảng của dòng họ.

3.2. Đinh Nho Hoàn:

Đại vương tử Đinh Nho Hoàn là con thứ 3 của Đại vương phụ Đinh Nho Công. Ông Đinh Nho Hoàn tên huý là Toản, hiệu và Mặc Trai, sinh ngày 5 tháng 10 năm Tân Hợi (1671) niên hiệu Cảnh Trị thứ 9 đời vua Lê Huyền Tông.

Ông là người có tư chất, nổi tiếng thông minh từ thuở nhỏ. Năm 14 tuổi đậu Tứ trường, 23 tuổi đậu Giải Nguyên, 30 tuổi đậu Đệ nhị Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700).

Tháng 8 năm Nhâm Ngọ (1702), ông được bổ làm Tham chánh Sơn Tây.

Tháng 7 năm Giáp Thân (1704), ông được bổ làm Đốc trấn Cao Bằng. Ở vị trí này, ông chăm lo về sự hưng lợi, trừ hại, giảm thuế má cho các thương

nhân Trung Quốc ở các tỉnh Giang Tây, Giang Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Hồ Quảng, Triều Châu sang ta buôn bán. Những cải cách của ông đã góp phần mở mang sự giao lưu buôn bán giữa hai nước.

Thương nhân Trung Quốc buôn bán ở khu vực này đã làm bia để ghi nhớ công đức của Đinh Nho Hoàn và đặt trước toà Hội quán gọi là *"Đức Chính bia"*. *"Đức Chính bia"* nêu lên 3 công lao lớn của ông:

- Sửa đường, phá ghềnh đá trên sông để thuyền bè đi lại dễ dàng
- Giảm bớt phiền hà khi kiểm tra hàng hoá qua cửa khẩu
- Giảm thuế

Sau đó, ông Đinh Nho Hoàn được thăng chức Thượng bảo tự khanh.

Ông là người nho nhã, thanh liêm, để thể hiện ý chí của mình, ông đã cho làm một chiếc khánh đá gọi là *"Khánh Mặc Trai"*, treo ở thư phòng để răn mình và làm gương cho con cháu. Khánh Mặc Trai hiện được lưu giữ tại Đền Gôi Mỹ, lời đề được khắc trên từ đã được Ngô Đức Thọ, chuyên viên Viện Hán Nôm dịch nghĩa như sau:

"Phàm tĩnh vật ở yên thì lặng, gõ vào thì kêu. Nhưng âm thanh phát ra mỗi vật mỗi khác. Âm thanh của khánh trong trẻo và có tiết tấu nhẹ nhàng mà cao vang tựa như cái cao thượng của con người. Ta vì vậy mà yêu thích âm thanh của khánh bèn xuất tiền tạc một chiếc, treo phía bên trái am đặt tên là Khánh Mặc Trai để tăng thêm ý chí"

Năm Vĩnh Thịnh thứ 10 (1715), ông Đinh Nho Hoàn nhận chức Phó sứ sang nhà Thanh để giữ tình hoà hiếu. Sau khi nhậm chiếu chỉ, ông xin về quê thu xếp việc gia đình rồi sẽ hồi kinh. Về quê, Đinh Nho Hoàn lập con út của người anh cả là Đinh Nho Hoành làm tử tự, dựng một cái am rồi cúng cho làng 15 mẫu ruộng, 100 quan tiền để lo việc tứ quý kính tế. Ông lập văn bia để răn dạy con cháu:

"Mặc tử tôn

Tu trung hiếu, phác hậu

Thanh kiệm lạc bần

Tiến vi nghĩa sỹ

Thoái vi lương nông

Vật kiêu dâm

Vật phạm thượng

Vật tranh tụng

Vật đổ bác

Phượng khả cận tư am"

Dịch nghĩa:

"Hễ là con cháu Mặc ông thì phải

Trung hiếu, thật thà, trong sạch, cần kiệm, lạc bần

Tiến làm kẻ nghĩa sỹ, lui về làm kẻ lương nông

Chớ kiêu dâm, chớ phạm thượng, chớ tranh kiện, chớ bạc cờ

Như thế mới được gần Am của ta"

(Bản dịch của Ngô Đức Thọ - Viện Hán Nôm) [3;184]

Trên đường đi sứ, ông làm thơ ngâm vịnh, tập hợp được hơn 130 bài. Sau này, toàn bộ các bài ngâm vịnh được con rể ông là Nguyễn Trọng Thường tập hợp lại trong tập *"Mặc Ông sứ tập"*. Bản gốc của sách hiện lưu giữ tại Viện Hán Nôm. Nội dung chính của các bài thơ là vịnh phong cảnh, nói lên nỗi nhớ quê hương, đất nước, các bài hoạ, đáp, tiễn tặng bạn bè, các bài răn dạy con cháu…

Gần đây, Nhà xuất bản Văn học đã ấn hành tập *"Hợp tuyển ngâm khúc Việt Nam"* với sự tập hợp và biên soạn của Trần Lê Sáng và Phạm Kỳ Nam. Tập sách có phần giới thiệu và phân tích về khúc ngâm *"Hoán tỉnh châu dân từ"* của ông Đinh Nho Hoàn.

Sự tài hoa và nhân cách của ông Đinh Nho Hoàn còn được thể hiện khi ông ở vị trí Phó sứ sang nhà Thanh. Ông đã được vua nhà Thanh hết sức khen ngợi. Chuyến đi sứ thành công nhưng trên đường về ông đã mắc trọng bệnh mà qua đời. Được tin ông mất, cả vua nhà Thanh và vua Lê đều vô cùng thương tiếc và làm điếu văn tiễn biệt.

Đời Cảnh Hưng, triều đình tấn phong ông là *"Đắc đạt Đại Vương"* và phong là *"Tuấn lương lượng trực đoan túc dực Bảo trung hưng phúc thần"*

Ông có hai người vợ, Bà cả người họ Lê, huý là Vệ người xã Hữu Bằng (nay là xã Sơn Bằng).

Bà á thất là Phan Thị Viên, người huyện Hưng Nguyên. Bà chẳng những nổi danh về nghĩa cử thủ tiết chờ chồng được, nhà vua cấp cho biển vàng *"Tiết phụ môn"* mà còn là một nữ sỹ tài hoa. Đời Cảnh Hưng gia phong *"Trinh nhất á thận phu nhân"*, đời Nguyễn gia phong *"Lương Tĩnh thục diệu nhã uyển dực Bảo trung hưng phúc thần"*.

3.3. Đinh Nhật Thận

Đinh Nhật Thận là chắt nội của Tổng Binh hương nghĩa hầu Đinh Nho Côn (đời thứ tám). Ông Đinh Nho Côn từng làm tri huyện La Sơn, Đốc lĩnh binh ở Kỳ Hoa (thuộc Kỳ Anh, Hà Tĩnh) nhưng về sau con cháu ông chuyển đến lập nghiệp ở đất Thanh Chương (Nghệ An).

Ông Đinh Nhật Thận tự là Tử Uý, hiệu là Bạch Mao Am, quê ở xã Thanh Liêu (Thanh Chương - Nghệ An). Năm Mậu Tuất (1838), ông đỗ Tiến sĩ, và được bổ làm Tri phủ dưới triều Vua Minh Mệnh. Do tính cương trực không ưa xu nịnh nên ông bị kẻ xấu dèm pha và bị cách chức. Đến năm Quý Sửu (1853) được phục chức nhưng ông cáo bệnh không ra làm quan nữa.

Chính ông đã cổ động nhân dân khai hoang lập ấp ở làng Thanh Liêm và làng Tiên Hội, gọi là ấp Gia Hội, rồi mở trường dạy học, làm thuốc tại quê nhà. Ông giao du với Cao Bá Quát và Nguyễn Hàm Ninh, sau Cao Bá Quát

dấy binh chống triều Nguyễn rồi bị hại, ông cũng bị tình nghi bắt giải về kinh, khép tội tử hình, nhưng sau đó được ân xá, phải lưu giữ ở Huế để dạy những người trong hoàng tộc. Ít lâu, ông bị bệnh mà mất vào năm 51 tuổi [3;23].

Thời gian bị quản thúc ở Huế, ông soạn khúc ngâm *Thu dạ lữ hoài,* đặc điểm là nguyên văn chữ Hán, mà theo thể song thất lục bát của dân tộc. Sau này, có Kỳ đồng Nguyễn Văn Cẩm cũng làm khúc *Thu dạ hoài ngâm* bằng chữ Hán và cũng theo thể song thất lục bát.

Đoạn mở đầu khúc ngâm *"Thu dạ lữ hoài"* thật đẹp lời, đẹp ý:

"Thu dạ tĩnh thiên quang ẩn ước,
Cách sơ liêm đạm chước kim bôi,
Thiên thời nhân sự tương thôi,
Phù sinh nhược mộng kỉ hồi vi loan?
Nhân đối cảnh hoa gian nguyệt chiếu,
Cảnh liêu nhân thọ điếu phong xuy,
Giá ban liệu thiểu nhân tri.
Nhàn lai phong nguyệt dữ thùy vi thu?..."

Bản dịch (tương truyền) là tác giả tự dịch luôn ra quốc âm:

"Đêm thu lặng bóng trời thấp thoáng,
Cách rèm thưa chuốc chén kim bôi,
Gẫm xem thời sự ngậm ngùi,
Cõi phù mấy thuở làm vui với đời?
Người đối cảnh trăng soi hoa nở,
Cảnh trêu người ngọn gió rung cây
Nỗi niềm tâm sự kể hay,
Cùng ai trăng gió đêm ngày thưởng thu..."

Đinh Nhật Thận là một danh sỹ kiêm tài văn võ, mặc dù thời gian ông làm quan không dài nhưng đã thể hiện tài năng và cốt cách của một bậc trượng phu.

3.4. Đinh Xuân Lâm

Ông Đinh Xuân Lâm sinh ra ở xã Sơn Tân thuộc dòng Chi Thứ của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn. Từ nhỏ ông theo song thân ra sinh sống và trưởng thành ở Thanh Hoá (Bố ông là Tri huyện Yên Định), gắn bó với mảnh đất này như quê hương thứ hai của mình. Sau khi đỗ thành chung, ông học Trường Quốc học Huế và tốt nghiệp tú tài toàn phần ban Triết học văn chương. Sau Cách mạng tháng Tám, 1945, ông là một trong những thầy giáo trung học đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Năm 1954, ông được chuyển thẳng lên năm thứ 2 Đại học Sư phạm Văn khoa, đồng môn với Phan Huy Lê và Trần Quốc Vượng. Tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc, ông được giữ lại làm cán bộ giảng dạy Khoa Lịch sử Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Dưới sự dìu dắt của thầy Trần Văn Giàu, ông đã góp công đầu xây dựng Bộ môn Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam. Tại đây ông đã nghiên cứu và biên soạn các giáo trình như *Lịch sử Việt Nam 1897 – 1914* (1957), *Hoàng Hoa Thám và phong trào nông dân Yên Thế* (1958), *Lịch sử Việt Nam cận đại* (1959-1961).

Ông được xem là một trong *"tứ trụ"* (tức gồm Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn và Trần Quốc Vượng) của sử học Việt Nam đương đại. Theo lời giải thích của giáo sư Trần Quốc Vượng, đó là chuyện huyền thoại và có lẽ hình thành vào cuối thập kỷ 1960, khi cả bốn ông đều nổi tiếng học giỏi.

Ông được phong học hàm Phó giáo sư năm 1980 và Giáo sư năm 1984, ngành Sử học. Cùng với Giáo sư Nguyễn Lân, ông là một trong hai người

ngành Sử đầu tiên được Nhà nước Việt Nam tôn vinh phong tặng Nhà giáo Nhân dân và được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất.

GS.NGND Đinh Xuân Lâm là nhà sử học nổi tiếng thuộc thế hệ trưởng thành sau Cách mạng tháng Tám. Hơn nửa thế kỷ qua, vừa giảng dạy vừa nghiên cứu, ông đã góp phần đào tạo hàng ngàn sinh viên, hướng dẫn hơn ba mươi luận án tiến sĩ trong và ngoài nước, là tác giả của hơn hai trăm công trình nghiên cứu lịch sử. Đến nay, mặc dù đã về hưu, ở tuổi 79 Giáo sư vẫn làm việc không nghỉ. Là chủ tịch Hội đồng khoa học Trung tâm UNESCO - Thông tin tư liệu lịch sử và văn hoá Việt Nam, ông đang phụ trách chỉ đạo xây dựng nhiều công trình nghiên cứu, xuất bản và hiệu đính để tái bản nhiều tác phẩm cũ có giá trị về lịch sử, văn hoá. Ông còn giữ vị trí là chủ tịch nhiều hội thảo nghiệm thu những công trình khoa học lớn.

Trong quá trình nghiên cứu Sử học phục vụ giáo dục - đào tạo ở bậc đại học, ông chủ yếu đi sâu ba mảng đề tài chính. Đó là: Phong trào đấu tranh yêu nước chống xâm lược thời cận đại cuối thế kỷ XIX với các nhân vật tiêu biểu như: Trương Định, Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Quang Bích, Hoàng Hoa Thám...; Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX với hai nhân vật tiêu biểu: Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh; Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Về lĩnh vực nghiên cứu khoa học, ông tham gia các chương trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh và các vấn đề thuộc lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, về đặc điểm chủ nghĩa đế quốc Pháp… Với cương vị là Chủ tịch Hội đồng khoa học Trung tâm UNESCO - Thông tin tư liệu lịch sử văn hóa Việt Nam, chủ tịch nhiều hội thảo, phụ trách chỉ đạo xây dựng nhiều công trình nghiên cứu..., tuy rất bận nhưng ông không bỏ qua những đề tài mà ông tâm đắc. Thời gian gần đây, ông có nhiều công trình nghiên cứu về truyền thống đấu tranh, yêu

nước, cách mạng, về tư tưởng Hồ Chí Minh: *Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám* (Tạp chí Cộng sản); *Tư tưởng Hồ Chí Minh với bản sắc văn hoá dân tộc* (Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa - Nghệ thuật); *Văn hóa phương Tây - một trong những nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về thế giới* (Tạp chí Nghiên cứu châu Âu). Và nhiều bài viết về những nhân vật lịch sử cận đại, và phong trào yêu nước thời kỳ cận đại. Các tác phẩm như: *Văn thơ Đông Kinh nghĩa thục*; *Danh nhân văn hoá Hồ Chí Minh; Lê Hồng Phong - Người cộng sản kiên cường; Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Cách mạng Việt Nam;... Đảng Cộng sản Việt Nam - những trang sử vẻ vang; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Độc lập Dân tộc và Chủ nghĩa - Xã hội* là những tác phẩm mới (năm 2003).

Giáo sư Đinh Xuân Lâm đã viết và đứng tên hơn 370 bài báo, 7 đề tài nghiên cứu khoa học và 90 đầu sách. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông là:

- Bộ sách *Đại cương lịch sử Việt Nam* (GS. Đinh Xuân Lâm chủ biên)
- Chuyên đề *Đặc điểm của chủ nghĩa thực dân Pháp tại Đông Dương*
- *Lịch sử Việt Nam 1897 - 1914*
- *Hoàng Hoa Thám và phong trào nông dân Yên Thế*
- *Lịch sử Việt Nam cận đại*
- *Văn thơ Đông Kinh nghĩa thục;*
- *Danh nhân văn hoá Hồ Chí Minh*
- *Lê Hồng Phong - Người cộng sản kiên cường*
- *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Cách mạng Việt Nam*
- *Đảng Cộng sản Việt Nam - những trang sử vẻ vang*
- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Độc lập Dân tộc và Chủ nghĩa - Xã hội;*

- *Phan Bội Châu (1867-1940) con người và sự nghiệp* (Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Trần Ngọc Vương).

3.5. Đinh Nho Liêm

Ông Đinh Nho Liêm (1924 - 2008) nguyên Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá V và khoá VI, là đời thứ 16, thuộc chi thứ của dòng họ Đinh Nho. Thuở nhỏ gia đình rất khó khăn nhưng ông thực sự là tấm gương cho các thế hệ con cháu về ý chí vươn lên và ham học. Theo con đường học hành và giác ngộ, ông Đinh Nho Liêm tham gia cách mạng từ rất sớm. Ông Đinh Nho Liêm thuộc thế hệ cán bộ lão thành của Bộ Ngoại giao. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, ông tham gia *"Tiểu ban Việt Nam"* là một đơn vị đặc biệt trong Bộ Ngoại giao chuyên lo vấn đề giải pháp đấu tranh với Mỹ trong cục diện "vừa đánh vừa đàm" nhằm chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, sau đổi thành Vụ II mà Vụ trưởng là đồng chí Phan Hiền và Thứ trưởng phụ trách là đồng chí Nguyễn Cơ Thạch.

Sau khi kết thúc chiến tranh, ông Đinh Nho Liêm được giao làm Tổng Lãnh sự ở Ai Cập, Ấn Độ, làm Đại sứ ở Lào, ở Liên Xô, Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ về bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc.

Công tác trong Bộ Ngoại giao, ông luôn khẳng định được vị trí của mình và được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Ông giữ chức Thứ trưởng, rồi Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao.

Với những cống hiến to lớn của mình, ông Đinh Nho Liêm được tặng Huân chương độc lập hạng hai, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất.

Ông Đinh Nho Liêm có 3 người con là đều học hành thành đạt: Đinh Nho Dũng, Đinh Nho Hùng, Đinh Thị Hoa. Ông Đinh Nho Dũng, con trai đầu của ông Đinh Nho Liêm đã bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ và hiện là

Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Mỗi dòng họ thường có những cá nhân kiệt xuất, có nhiều đóng góp cho quê hương đất nước. Dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn cũng nằm trong quy luật chung đó, nhưng điều đặc biệt đó là dòng họ Đinh Nho *"kế thế đăng khoa"*, thời nào cũng có những cá nhân vừa có tài vừa có đức. Đây cũng chính là nét đẹp truyền thống tạo nên tiếng thơm cho gia tộc Đinh Nho.

Trong khuôn khổ một công trình nghiên cứu chung về dòng họ, thật khó để lựa chọn và giới thiệu hết các nhân vật tiêu biểu của dòng họ Đinh Nho. Chỉ qua, một số cá nhân tiêu biểu nhất, chúng ta có thể nhận thấy được sự liền mạch của truyền thống khoa bảng cũng như sự phát triển có chiều rộng của truyền thống đó. Không chỉ Chi Trưởng mà Chi Thứ cũng có nhiều người đỗ đạt, không chỉ thời phong kiến mà trong chế độ mới, dòng họ Đinh Nho cũng đóng góp cho dân tộc những cá nhân ưu tú. Và còn nhiều người con khác của dòng họ Đinh Nho nữa đã và đang hàng ngày, hàng giờ lao động sản xuất, phấn đấu trên cương vị công tác của mình để cống hiến cho xã hội và làm rạng danh gia tộc.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn (Hà Tĩnh) chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Dòng họ Đinh Nho là dòng họ xuất hiện khá sớm trên vùng đất Hương Sơn vào thế kỷ XVI. Từ cụ Tổ là Đinh Phúc Diên từ Ninh Bình vào lập nghiệp đã trải qua hơn 460 năm, ngày nay con cháu đã sinh sôi đông đúc, lan khắp các xã huyện tỉnh ở trong nước và cả ở nước ngoài, trở thành một trong những dòng họ lớn và lâu đời ở Hương Sơn nói riêng và Hà Tĩnh nói chung. Dòng họ Đinh Nho có những đóng góp to lớn trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc, ở thời kỳ nào con cháu dòng họ Đinh Nho cũng sẵn sàng tham gia để bảo vệ nền độc lập, tự do và thống nhất tổ quốc.

Dòng họ Đinh Nho là một dòng họ khoa bảng với nhiều người đỗ đạt cao như Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn, Đinh Nho Côn, Đinh Thái Lãng, Đinh Nhật Thận…

2. Trải qua hơn 460 năm, dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn có nhiều đóng góp trong công cuộc lập làng, khai hoang gò bãi thành đồng ruộng, lập nên xóm làng trù phú, tồn tại và phát triển bền vững cùng với lịch sử dân tộc. Trải qua 5 thế kỷ hình thành và phát triển các thế hệ con cháu của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn đã đúc kết được những truyền thống văn hoá quý báu tiêu biểu là truyền thống hiếu học, khổ học, truyền thống yêu nước,

Hiếu học, khổ học là một nét chung của người Hà Tĩnh tuy nhiên, ở dòng họ Đinh Nho, nét chung ấy đã được các thế hệ giáo dục thành nề nếp và gia phong. Ngay từ buổi đầu mới hình thành, các thế hệ đi trước đã nhận thức việc học và một yêu cầu cấp thiết, học không phải để làm quan mà trước hết là để hiểu biết, để làm người, để sống có đạo lý. Do đó, mặc dù phải trải qua

nhiều khó khăn để tồn tại và phát triển nhưng con cháu dòng họ Đinh Nho luôn dành thời gian và tâm huyết cho việc học tập mở mang kiến thức.

Người khai khoa cho dòng họ Đinh Nho là Tiến sĩ Đinh Nho Công. Từ đời thứ tám, dòng họ luôn có người đỗ đạt: Đệ nhị Tiến sĩ Đinh Nho Hoàn, Tiến sĩ Đinh Nho Điển, Tiến sĩ Đinh Nhật Thận, Giải Nguyên Đinh Nho Côn và hàng chục cử nhân, tú tài. Sang thời hiện đại, dòng họ Đinh Nho vẫn tiếp tục đóng góp cho dân tộc nhiều tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân trong đó có những nhân vật tiêu biểu như: Đinh Xuân Lâm, Đinh Nho Liêm, Đinh Quang Báo...

Dòng họ Đinh Nho luôn trọng gia giáo, sống có đạo lý, trọn tình vẹn nghĩa, thuỷ chung son sắt. Truyền thống đó đã tạo nên sự cố kết trong cộng đồng gia tộc cũng như sự gắn bó của dòng họ đối với quê hương.

3. Trên đất nước ta có hàng trăm dòng họ, mỗi dòng họ đều góp phần nhất định đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Dòng họ Đinh Nho trải qua gần 500 năm hình thành và phát triển đã tạo nên truyền thống quý báu, góp phần làm rạng rỡ truyền thống văn hoá Hương Sơn, Hà Tĩnh nói riêng và văn hoá Việt Nam nói chung.

Bản sắc văn hoá của dòng họ chỉ được lưu truyền và phát huy khi con cháu trong dòng họ biết tôn trọng tổ tiên, biết luôn luôn nỗ lực phấn đấu sao cho xứng đáng với quê hương, gia đình, dòng họ. Tuy nhiên, một điều đáng suy nghĩ trong quá trình tìm hiểu về lịch sử văn hoá của dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn đó là phần lớn con cháu của dòng họ đều thành đạt và lập nghiệp ở xa, ít có cá nhân có sự phát triển trên chính mảnh đất quê hương. Phần lớn

các gia đình của dòng họ Đinh Nho ở xã Sơn Hoà đều chỉ còn lại những người già và thế hệ cháu.

Để phát huy được truyền thống của dòng họ và truyền thống của dân tộc, góp phần vào việc thực hiện chiến lược con người, dòng họ Đinh Nho đã thực hiện một số biện pháp sau:

- Giáo dục con cháu luôn yêu thương, kính trọng ông bà cha mẹ, xem mỗi gia đình là một trường học đầu tiên của con người.

- Sưu tầm gia phả của các chi họ để viết thành gia phả chung của dòng họ nhằm giáo dục con cháu về truyền thống của tổ tiên, nguồn gốc và sự phát triển của dòng họ.

- Thành lập Hội đồng gia tộc, Ban Tộc biểu, khôi phục nhà thờ, lăng mộ và lễ hội tế Thần ở Đền làng.

- Thành lập Ban liên lạc của các chi họ ở các tỉnh khác để giao lưu, qua đó giữ gìn truyền thống văn hoá và giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

- Chăm lo việc học hành của con cháu, kế thừa truyền thống học tập mà ông cha đã để lại, góp phần vào việc xây dựng đất nước.

Từ kết quả nghiên cứu về lịch sử - văn hoá dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn, Hà Tĩnh chúng tôi xin đưa ra một số ý kiến đề xuất như sau:

- Sưu tầm tư liệu, nghiên cứu một cách toàn diện về những đóng góp của con cháu dòng họ Đinh Nho trên địa bàn Hà Tĩnh và cả nước nhằm góp phần làm sáng rõ nhiều vấn đề mà các nhà nghiên cứu quan tâm.

- Các trường Trung học cơ sở, Phổ thông Trung học trên địa bàn huyện Hương Sơn có thể sử dụng tài liệu nghiên cứu của chúng tôi để tham khảo và biên soạn tài liệu giảng dạy lịch sử địa phương. Giờ dạy có thể được thực hiện trên hiện trường lịch sử tại nhà thờ Đại tôn dòng họ Đinh Nho, Đền Gôi Mỹ…

- Huyện Hương Sơn nói riêng, tỉnh Hà Tĩnh nói chung cần phối hợp với con cháy dòng họ Đinh Nho để phục hồi và bảo tồn Đền Gôi Mỹ tại xã Sơn Hoà. Đây không chỉ là một công trình kiến trúc cổ mà còn là địa chỉ văn hoá lưu giữ nhiều hiện vật lịch sử khác. Ngoài ra, lễ hội Đền Gôi Mỹ cũng rất cần được phục hồi nhằm phục vụ nhu cầu văn hoá tâm linh của nhân dân địa phương và bảo tồn văn hoá phi vật thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hương Sơn (1990), *Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Sơn 1930 - 1945 (tập 1)*.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hương Sơn (2001), *Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Sơn 1945 - 1975 (tập 2)*.

3. Ban Tộc biểu dòng họ Đinh Nho (2002), *Gia phả họ Đinh Nho ở Hương Sơn (Hà Tĩnh)*, bản đánh máy.

4. Đào Duy Anh (1994), *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb Thuận Hoá.

5. Đào Duy Anh (2000), *Việt Nam Văn hoá sử cương*. Nxb Văn hoá - Thông tin, HN.

6. Nguyễn Hoàng Án, *Hà Tĩnh nhân vật chí*, Lưu tại phòng đọc thư viện Hà Tĩnh, Ký hiệu: 9(V)092/H100T.

7. Đặng Duy Báu (CB), Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn (2000) *Lịch sử Hà Tĩnh (tập 1),* Nxb Chính trị Quốc gia, HN.

8. Hoàng Thị Bình (2007), Luận văn Thạc sĩ: *"Lịch sử - văn hoá dòng họ Nguyễn Huy ở Trường Lưu (Can Lộc, Hà Tĩnh) từ thế kỷ XV đến năm 2006",* Lưu tại Trung tâm Thông tin - Tư liệu Trường Đại học Vinh.

9. Lê Thị Kim Chung (2007), Luận văn Thạc sĩ: *"Lịch sử - văn hoá phái hệ Mạc Đăng Lượng ở Nghệ An",* Lưu tại Trung tâm Thông tin - Tư liệu Trường Đại học Vinh.

10. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Sử học, HN.

11. Nguyễn Tiến Cường (1998), *Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam thời Phong kiến*, Nxb Giáo dục.

12. *Hoành Phi, Câu đối, dòng họ Đinh Nho*, Lưu tại Nhà thờ họ Đinh Nho Hương Sơn (Hà Tĩnh).

13. Hội đồng gia tộc dòng họ Đinh Nho chi Sơn Tân (2004), *Gia phả Chi họ Đinh Nho ở Sơn Tân (Hương Sơn, Hà Tĩnh)*.

14. Hội đồng Gia tộc họ Đinh ở Thanh Chương (Nghệ An), *Gia phả họ Đinh ở Thanh Chương*.
15. Hội Văn nghệ Dân gian Nghệ An (1997), *Kỷ yếu Hội thảo Văn hoá các dòng họ ở Nghệ An*, Nxb Nghệ An.
16. Thái Kim Đỉnh (2000), *Làng cổ Hà Tĩnh (tập 1)*, Nxb Hà Tĩnh.
17. Thái Kim Đỉnh (2004), *Các nhà khoa bảng Hà Tĩnh*, Hội liên hiệp VHNT Hà Tĩnh.
18. Đinh Nho Hoàn, *Mặc Ông sứ tập*, Lưu tại Viện Hán Nôm, ký hiệu A1409.
19. Nguyễn Thị Mỹ Hoà (2005), Luận văn Đại học: *"Giáo dục khoa cử nho học ở Hương Sơn thời Nguyễn 1802-1919",* Lưu tại Phòng lưu trữ Khoa Lịch sử - Trường Đại học Vinh.
20. Mai Thị Khánh Hồng (2006), Luận văn Thạc sĩ: *"Lịch sử - văn hoá dòng họ Dương ở Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An",* Lưu tại Trung tâm Thông tin - Tư liệu Trường Đại học Vinh.
21. Vũ Ngọc Khánh (2000), *Đền miếu Việt Nam,* Nxb Thanh Niên
22. Phạm Khắc Lanh (2008), Luận văn Đại học: *"Hương Sơn trong thời kỳ đổi mới 1986-2007",* Lưu tại Phòng lưu trữ Khoa Lịch sử - Trường Đại học Vinh.
23. Đinh Thái Lãng, *Hương Yên phổ tự*, Bản chép tay lưu tại nhà ông Đinh Nho Quỳ - Đời thứ mười tám, Tộc trưởng dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn.
24. Bùi Dương Lịch (1993), *Nghệ An ký*, Nxb KHXH, Hà Nội.
25. Phan Ngọc Liên (2006), *Giáo dục và thi cử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb Từ điển Bách khoa.
26. Ngô Sỹ Liên (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb KHXH.
27. GS. Đặng Thai Mai (1985), *Hồi ký*
28. Minh Phương (1926), *Hương Sơn du ký,* Nxb Văn học.

29. Quốc sử quán Triều Nguyễn (1997), Đại Nam nhất thống chí, tập 2, Nxb Thuận Hoá.
30. Trương Hữu Quýnh (2000), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục
31. Phan Côn Sơn (1998), *Tinh thần gia tộc gia sử và ngoại phả*, Nxb Văn hoá dân tộc.
32. Sở Văn hoá thông tin Hà Tĩnh (2003), *Kỷ yếu hội thảo khoa học Văn hiến Hà Tĩnh xưa và nay*, Nxb Hà Tĩnh.
33. Sở Văn hoá Thông tin Hà Tĩnh, *Hồ sơ di tích LSVH Đền Gôi Mỹ - xã Sơn Hoà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh*.
34. Sở Văn hoá Thông tin Hà Tĩnh (2000), *Địa chí Hương Sơn*, Nxb KHXH.
35. Bùi Thiết (2000), *Từ điển Hà Tĩnh*, Nxb Hà Tĩnh.
36. Trương Thìn (1990), *Hội hè Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc
37. Nguyễn Quảng Tuân (2000), *Tổng hợp Văn học Việt Nam,* Nxb KHXH.
38. Phan Huy Ôn, Cao Xuân Lục, *Đăng khoa lục Hà Tĩnh*, Ngô Đức Thọ dịch và khảo thích, lưu tại kho địa chí, thư viện Hà Tĩnh.
39. Viện Hán Nôm, *Điếu văn Đắc đạt Đại Vương Đinh Nho Hoàn của Vua Khang Hy*, Bản chữ Hán và bản dịch.
40. Viện Hán Nôm, *Điếu văn Đắc đạt Đại Vương Đinh Nho Hoàn của Vua Lê,* Bản chữ Nôm và bản dịch.
41. Website: http://www.vietnamgiapha.com
42. Website: http://www.hatinhonline.com

PHỤ LỤC



Cổng vào Nhà thờ dòng họ Đinh Nho



Nhà thờ Đại tôn dòng họ Đinh Nho



Cổng Đền Gôi Mỹ



Hạ điện Đền Gôi Mỹ





Tả vu và Hữu vu Đền Gôi Mỹ





Hoa văn trang trí Hạ điện ĐềnGôi Mỹ



Bảng vàng ***"Tiết phụ môn"***



Điện thờ Bà Phan Thị Viên ở Đền Gôi Mỹ





Hai Voi đá trước cửa Thượng điện Đền Gôi Mỹ





Khánh Mặc Trai của Tiến sĩ Đinh Nho Hoàn





Lời đề từ trên Khánh Mặc Trai và trên cột đá



Khu Lăng mộ ở Phúc Đậu (xã Sơn Phúc)



Khu Lăng mộ ở Lòi Chim Chim (xã Sơn Bằng)



Khu Lăng mộ ở Rú Trai (xã Sơn Tiến)



Khu Lăng mộ ở Áng Phần (xã Sơn Hoà)

Mặt trước Khánh Mặc Trai

Mặt sau Khánh Mặc Trai

LỜI ĐỀ TỪ TRÊN KHÁNH MẶC TRAI

Mặt trước:

Phiên âm

Mặc Trai Khánh

Bồi tụng Hoằng Tín đại phu Thượng bảo tự khanh tạo

Lạc thôn vĩnh chú

Dịch nghĩa:

Khánh Mặc Trai

Quan Bồi tụng Hoằng tín đại phu Thượng bảo tự khanh làm

Lạc (người) thôn Vĩnh đúc.

Mặt sau:

Phiên âm:

Phàm tĩnh vật giả tịch, khấu giả thanh. Đản thanh chi phát các dị. Khánh chi thanh, thanh nhi tiết, đạm nhi tuấn, hữu tự phù ngô nhân chi cao thượng giả. Dư cố ái chi, hoá nhất phiến, huyền vu am tả, mệnh chi viết: "Mặc Trai Khánh", dĩ trường du chí.

Thời

Hoàng triều Vĩnh Thịnh vạn vạn niên chi bát Nhâm Thìn trọng thu cốc nhật

Từ Canh Thìn khoa Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân

Hoằng tín đại phu Thượng bảo tự khanh Hoan Hương

Mặc Trai Đinh Nho Hoàn tự Tồn Phác cẩn tu

Dịch nghĩa:

Phàm vật ở yên thì lặng, gõ vào thì kêu. Nhưng âm thanh phát ra của mỗi vật một khác. Âm thanh của khánh trong trẻo mà có tiết tấu; nhạt nhẹ mà cao vang, tựa như cái cao thượng của con người. Ta vì vậy mà yêu thích âm thanh của khánh, bèn xuất tiền làm một chiếc, treo ở phía bên trái am đặt tên là "Khánh Mặc Trai" để tăng thêm ý chí của ta

Bây giờ là đời Hoàng triều ngày tốt tháng Trọng Thu năm Nhâm Thìn niên hiệu Vĩnh Thịnh năm thứ tám (1712).

Người được Vua ban Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn (1700), quê huyện Hương Sơn, châu Hoan là Đinh Nho Hoàn, tự Tồn Phác kính cẩn soạn.

DANH SÁCH CÁC VỊ KHOA BẢNG

A. Trước năm 1945:

Tiến sĩ: Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn, Đinh Nho Điển, Đinh Nhật Thận.

Giải nguyên: Đinh Nho Côn

Cử nhân: Đinh Thái Lãng, Đinh Duy Hàn, Đinh Nho Châu, Đinh Nho Kiểm, Đinh Nho Quang, Đinh Nho Khôn.

Tú tài: Đinh Nho Chấn, Đinh Nho Hoán, Đinh Nho Xanh, Đinh Nho Đoan, Dinh Nho Bát, Đinh Nho Hàng, Đinh Nho Kham.

B. Sau 1945: (Thống kê đến năm 2002)

Giáo sư: Đinh Xuân Lâm, Đinh Quang Báo

Tiến sĩ khoa học: Đinh Nho Hào, Đinh Phạm Thái, Đinh Nho Dũng

Tiến sĩ: Đinh Nho Chương, Đinh Thị Khương, Đinh Thị Oanh, Đinh Nho Hồng, Đinh Nho Thanh, Đinh Như Hà Bình, Đinh Thị Ngọc Bích, Đinh Thị Phương Hoà, Đinh Quốc Việt, Đinh Nho Hải, Đinh Thị Xuyến, Đinh Bích Thu, Đinh Chiến Quốc.

Thạc sĩ: Đinh Nho Bảng, Đinh Nho Duyệt, Đinh Thị Phương Hoa, Đinh Nho Hùng, Đinh Nho Sinh, Đinh Nho Thái, Đinh Chí Tài, Đinh Nho Hoan, Đinh Thị Tâm.

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC NHẬN HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP

1. Ông Đinh Nho Liêm
2. Ông Đinh Nho Khoách
3. Ông Đinh Mạnh Đôn

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG HUY HIỆU ĐẢNG:

30 năm tuổi Đảng:

1. Đinh Nho Liêm
2. Đinh Nho Khoách
3. Đinh Nho Cơ
4. Đinh Nho Cự
5. Đinh Thị Liên

40 năm tuổi Đảng:

1. Đinh Nho Đang
2. Đinh Nho Hưởng
3. Đinh Nho Trương
4. Đinh Nho Cừ

VĂN TẾ ÔNG ĐINH NHO HOÀN CỦA TRIỀU ĐÌNH NHÀ THANH:

(*Bản dịch nghĩa*)

Đi sứ đến triều đình ta để tỏ việc đại nghĩa trung thành thân thiện. Vua thương người quá cố đó là lòng nhân quan tâm tới nơi xa. Ông phụng mệnh quốc vương Nam Việt, từ phương xa vượt biển trèo non.

Hồ Động Đình bái tạ ngắm trời
Công việc ấy vừa xong xuôi
Sao ông đã nỡ rời trần thế
Trẫm nay vô cùng tiếc thương
Ta đắc ban cho ông lễ phúng
để thoả lòng nơi cõi u minh
Than ôi!
Núi sông xa cách, duổi rong nơi trạm dịch hoang vu
Tận trung mà hy sinh tính mệnh, hồn về đất cũ

Ông linh thiêng hãy còn quanh quất
Xin kính cẩn nhận lễ tế này.

VĂN TẾ ÔNG ĐINH NHO HOÀN CỦA TRIỀU ĐÌNH NHÀ LÊ:

(Bản dịch nghĩa)

Ngày 10 tháng 10 năm Vĩnh Thịnh thứ 12 Hoàng đế đặc biệt sai Kim tử vinh lộc đại phu, Thượng bảo tự khanh là Tạ Đăng Huân kính tế linh cữu Thượng bảo tự khanh Đinh Nho Hoàn rằng:

Kẻ làm tôi không cậy mình, thần tử dốc lòng trung với nước non
Xét điển lễ tỏ lòng bi triều đình đã có đền ân báo nghĩa
Nhớ ông thay!
Dòng dõi thế gia, danh cao khoa giáp
Sân nhà Ngu nghiêm kính giúp mở mưu mô lớn cho vua
Đường nhà Chu rong ruổi, nghĩ phải gắng chăm lo việc nước
Đường đi xa để tỏ công lao, sao nghĩ đến chuyến về ngày tận thế
Trông đường hành trình gấp rút, cờ xe sứ thần rầm rập trở về
Ngờ đâu đến cửa khuyết, cờ tuyết sứ giả lẻ loi rọi xuống
Ta cáo phó mới nghe, tình thương sao dễ vậy
Nay bày lễ tế cho thoả vong linh
Ông hãy về hưởng.